

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T**



**THẬP KỶ CỦA NHỮNG MỐC SON**

## MỤC LỤC

<b>1. TỔNG QUAN.....</b>	<b>3</b>
1.1 THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH .....	3
1.2 THÔNGIỆP TỪ TỔNG GIÁM ĐỐC .....	5
1.3 TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP .....	7
1.4 CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN 2011-2016.....	10
<b>2. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN .....</b>	<b>13</b>
2.1 MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ.....	13
2.2 MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN.....	17
2.2 CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG MỖI LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN .....	21
2.4 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....	26
<b>3. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>27</b>
3.1 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN .....	27
3.2 NHÂN SỰ CAO CẤP .....	28
3.3 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 09 THÁNG 01 NĂM 2017 .....	29
3.4 CÁC ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T TRONG NĂM 2016 .....	30
3.5 SỰ THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TẠI CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN TRONG NĂM 2016.....	31
3.6 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	32
3.7 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH .....	36
3.8 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT .....	37
3.9 THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BTGD.....	40
<b>4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN .....</b>	<b>41</b>

# 1. TỔNG QUAN

## 1.1 THÔNG điệp từ CHỦ TỊCH

*Kính Quý cổ đông và Quý nhà đầu tư!*

F.I.T vừa khép lại một thập kỷ xây dựng và phát triển 2007-2017. Một thập kỷ vừa qua, chúng tôi đã chứng kiến sự thăng trầm rất lớn của nền kinh tế, nhưng với F.I.T, đó là thập kỷ của tăng trưởng và xác lập mô hình hoạt động. Trên hành trình 10 năm đó, chúng tôi đã thu được rất nhiều quả ngọt nhưng cũng phải đối mặt với không ít thử thách. Đó thực sự là một thập kỷ của những mốc son.

### **Vượt sóng nhờ khát khao chinh phục thử thách**

F.I.T được thành lập đầu năm 2007 với vốn điều lệ 35 tỷ đồng. Vừa chào đời, F.I.T đã phải đối mặt với một cuộc đại khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Chính trong khó khăn này thì sứ mệnh, giá trị cốt lõi của F.I.T được hình thành tạo ra nét văn hóa máu lửa, khát khao chinh phục những khó khăn riêng và chỉ có ở F.I.T. Và cũng trong giai đoạn này một tuyên bố về tầm nhìn của F.I.T đã được ra đời vào năm 2010. Đó là: "Đến năm 2015 F.I.T sẽ trở thành doanh nghiệp số một về dịch vụ tài chính đặc thù, là Tập đoàn sở hữu các công ty con, công ty liên kết có khả năng tăng trưởng cao trong các ngành hàng phát triển với số vốn lên tới hàng chục triệu USD. Sau 1 thập kỷ phát triển, chúng tôi có thể tự hào nói rằng mục tiêu đó đã trở thành hiện thực.

### **Thập kỷ tăng trưởng với những mốc son**

F.I.T hiện nay là một Tập đoàn đầu tư với vốn chủ sở hữu đạt trên 3.760 tỷ, tổng tài sản hơn 4.339 tỷ, trên 3.000 cán bộ nhân viên cùng trên chục công ty con, công ty liên kết trải khắp các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước. Sản phẩm, hàng hóa của Tập đoàn được phân phối trên phạm vi toàn quốc và đã xuất khẩu tới khắp các châu lục trên thế giới.

**Trong lĩnh vực Dược phẩm**, F.I.T sở hữu Công ty CP Dược phẩm Cửu Long (DCL) - một đơn vị có bề dày 40 năm hoạt động, là 1 trong 5 doanh nghiệp niêm yết ngành dược lớn nhất trên thị trường chứng khoán, với 650 tỷ đồng vốn chủ sở hữu và vốn hóa thị trường đạt trên 1.500 tỷ. Doanh thu của DCL đạt 737 tỷ đồng và đang dẫn đầu thị trường về viên nang rỗng (capsule), vật tư tiêu hao.

Hiện nay, DCL đang mở rộng nhà máy sản xuất capsule lên gấp 3 lần, xây mới nhà máy vật tư tiêu hao, và đặc biệt sẽ là đơn vị đầu tiên nhận chuyển giao công nghệ để sản xuất thuốc ung thư đạt tiêu chuẩn GMP EU. Dự án khi đi vào hoạt động sẽ góp phần làm giảm giá thành thuốc cũng như giúp nhiều người bệnh được tiếp cận với cơ hội giữ lại sự sống cho chính mình.

Công ty dược phẩm thứ 2 nằm trong Tập đoàn F.I.T là Công ty CP Dược phẩm Euvipharm (công ty con của DCL): Là doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn và đầy chuyên hiện đại với các dòng thuốc tiêm kháng sinh thế hệ mới.

**Trong lĩnh vực Thực Phẩm**, F.I.T sở hữu Công ty CP Chế biến thực phẩm và xuất khẩu Miền Tây (Westfood). Đây là một trong các nhà xuất khẩu trái cây đóng lon, trái cây đông lạnh (IQF) hàng đầu Việt Nam. Chúng tôi tự hào rằng, thông qua Westfood, F.I.T đã mang sản phẩm của mình ra thế giới, được chấp nhận và chào đón ở những thị trường khắt khe nhất như EU, Mỹ, Nhật Bản.

**Trong lĩnh vực Nước giải khát**, thông qua đầu tư vào Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda), F.I.T sở hữu mỏ nước khoáng tốt nhất Việt Nam – mỏ nước khoáng với độ kiềm tự nhiên từ 8,5- 9 đặc biệt tốt cho sức khỏe. Doanh thu năm 2016 của Vikoda đạt 260 tỷ đồng.

Với những sản phẩm mang thương hiệu Đảnh Thành, Vikoda hiện đang được thị trường miền Trung, Nam Trung bộ đặc biệt ưa chuộng. Hiện tại, Vikoda đã được đầu tư toàn diện để nâng cao năng lực sản xuất, hướng đến mục tiêu 1.000 tỷ đồng doanh thu trong 3 năm tới.

**Trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm chăm sóc gia đình và cá nhân**, F.I.T góp vốn vào Công ty CP Thương mại – Sản xuất – Dịch vụ Sao Nam. Đây là công ty nghiên cứu và phát triển các sản phẩm chăm sóc gia đình, chăm sóc cá nhân với thương hiệu đã được thị trường đón nhận như là: nước rửa tay Dr.Clean, bình xịt côn trùng Rocket, sữa tắm NuWhite, nước rửa chén sinh học Tero với doanh thu năm 2016 đạt 157 tỷ đồng.

Có thể thấy rằng, thông qua các thương vụ đầu tư được thực hiện gần đây, F.I.T đã sở hữu thành công nhiều công ty lớn ở những ngành nghề kinh doanh cơ bản, độ phủ rộng khắp trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, chúng tôi tiếp tục nỗ lực để trở thành 1 Tập đoàn đầu tư hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông thông qua chuỗi sản phẩm tư vấn đầu tư đa dạng, danh mục đầu tư chất lượng, nhân sự chuyên nghiệp.

### **Viết tiếp thập kỷ mới bằng sứ mệnh nhân văn**

F.I.T đã hoàn thành xuất sắc mục tiêu và sứ mệnh đặt ra trong thập kỷ phát triển đầu tiên. Bước sang thập kỷ mới, F.I.T sẽ hướng đến những khát vọng mới lớn hơn, và đầy nhân văn. Đó là khát vọng tạo ra được những sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, phục vụ tốt hơn cuộc sống người tiêu dùng, đóng góp vào sự phát triển của xã hội và đất nước; tạo được nhiều công ăn việc làm với thu nhập tốt hơn.

Những khát khao lớn, rất nhân văn này sẽ làm bùng cháy lên ngọn lửa quyết tâm trong mỗi thành viên F.I.T Group, để chúng tôi chinh phục mục tiêu trở thành những công ty hàng đầu trong các ngành hàng. Khi đó, tôi tin rằng F.I.T sẽ trở thành công ty với doanh thu và vốn hóa lên tới hàng tỷ đô.

Thành tựu đạt được trong thập kỷ qua có sự đóng góp rất lớn của tập thể cán bộ, nhân viên đã và đang làm việc tại F.I.T. Thành công đó cũng đến từ rất nhiều cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, nhà cung cấp thân thiết của F.I.T trên suốt chặng đường 10 năm phát triển. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc tới sự đồng hành và hợp tác của tất cả quý vị.

Trong thập kỷ tiếp theo, tôi tin tưởng rằng chúng ta sẽ tiếp tục đồng hành cùng nhau để đưa F.I.T vươn đến một vị thế mới cao hơn, tự hào hơn – Tập đoàn trị giá hàng tỷ đô. Đó chắc chắn sẽ là một thập kỷ thành công và phát triển của sự hợp tác và gắn kết.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Tập đoàn F.I.T, tôi xin chúc các quý vị cổ đông, quý khách hàng và đối tác An khang - Thịnh vượng.

Trân trọng cảm ơn!

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T**

**Nguyễn Văn Sang**

## 1.2 THÔNG ĐIỆP TỪ TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý cổ đông và Quý nhà đầu tư!

Khởi đầu thập kỷ mới bằng sự tăng trưởng bền vững

Năm 2016, F.I.T khép lại thập kỷ đầu tiên với nhiều dấu ấn quan trọng trên mọi lĩnh vực. Bước sang thập kỷ mới, F.I.T đặt mục tiêu phát triển nhanh, nhưng phải gắn với tăng trưởng bền vững.

**Năm 2016 – Dấu ấn doanh nghiệp Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam**

Trong bối cảnh nền kinh tế còn không ít khó khăn, F.I.T vẫn đạt tăng trưởng ấn tượng trong năm 2016 với việc tăng vốn chủ sở hữu từ 1.815 tỷ lên 2.258 tỷ đồng, đồng thời hoàn thành rất nhiều dự án quan trọng của Tập đoàn. Quy mô của Tập đoàn cũng được mở rộng với việc đón nhận thêm thành viên mới là Công ty CP Bất động sản F.I.T (FIT Land) và Công ty CP Dược phẩm Euvipharm (Euvipharm).

Việc thu tóm thành công Euvipharm – thành viên của Valeant, hãng dược phẩm lớn của Canada, vào cuối năm 2016, đầu năm 2017 là một dấu ấn quan trọng của F.I.T trong lĩnh vực dược phẩm mà công ty đang đầu tư. Theo đó, việc sở hữu Euvipharm sẽ giúp Dược Cửu Long tăng mạnh năng lực sản xuất và phát triển các dòng dược phẩm mới như thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt. Cùng với Euvipharm, nhóm các công ty dược phẩm của F.I.T sẽ đẩy mạnh hoạt động R&D để phát triển được nhiều sản phẩm mới, đặc biệt là thuốc điều trị các bệnh tim mạch, ung thư, hoặc tiểu đường.

Ở lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm, CTCP Chế biến thực phẩm và xuất khẩu Miền Tây (West Food) đã gây ấn tượng khi thử nghiệm thành công giống dưa MD2 cho chất lượng trái và năng suất cao hơn. Đây chính là cơ sở để West Food nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu nông sản Việt, sẵn sàng tiếp nhận đơn hàng của các đối tác lớn trên thế giới.

Một thành viên khác của F.I.T cũng để lại nhiều dấu ấn trong năm 2016 là CTCP Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda). Không chỉ đạt mức tăng trưởng doanh thu ấn tượng gần 57%, Vikoda với sự đầu tư của FIT Consumer đã ra mắt rất nhiều sản phẩm mới và nhận được phản hồi tốt từ thị trường như nước tăng lực khoáng iMen, nước khoáng gas Đảnh Thạnh Cola. Thông qua mở rộng và đa dạng sản phẩm nhằm tiếp cận được nhiều đối tượng khách hàng, Vikoda kỳ vọng sẽ tiếp tục mở rộng thị trường, chinh phục những thị trường mới và tiềm năng trong giai đoạn tiếp theo.

Với sự lớn mạnh không ngừng, năm 2016 F.I.T đã được vinh danh trong “Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam”. Chứng nhận này một lần nữa khẳng định tiềm lực cũng như thế mạnh F.I.T trong suốt một thập kỷ xây dựng và phát triển. Sau 10 năm, F.I.T đã khẳng định vị thế là 1 Tập đoàn đầu tư hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông thông qua chuỗi sản phẩm tư vấn đầu tư đa dạng, danh mục đầu tư chất lượng, nhân sự chuyên nghiệp. Đó chính là cơ sở vững chắc cho những bước đi tiếp theo của F.I.T trong thập kỷ mới.

**Năm 2017 – Duy trì tăng trưởng bền vững**

Năm 2017, F.I.T đã tăng quy mô vốn điều lệ lên 2.547 tỷ đồng, đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận gộp là 37% so với năm 2016. Việc giữ vững trạng thái tài chính khỏe mạnh, chủ động luôn là ưu tiên hàng đầu của công ty.

Đồng thời, công ty sẽ phát huy truyền thống kinh doanh tài chính: tìm kiếm các cơ hội M&A; đầu tư tài chính ngắn hạn và kinh doanh vốn hiệu quả để mở rộng quy mô Tập đoàn.

Đặt mục tiêu tăng trưởng nhanh, F.I.T tiếp tục tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực dược phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng nhanh hướng đến đưa các công ty thuộc ngành hàng F.I.T sở hữu vào top 5 doanh nghiệp lớn của ngành hàng đó. Theo đó, F.I.T sẽ tập trung đầu tư nguồn lực vốn, con người, công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi. Những dự án thành công trong năm 2016 sẽ tiếp tục được mở rộng triển khai trong năm 2017 nhằm nâng cao tối đa hiệu quả.

Tiếp nối việc sở hữu thành công Evupharm, F.I.T - thông qua Dược Cửu Long đã góp vốn thành lập CTCP Thuốc ung thư Benovas. Đây là dự án thuốc ung thư đầu tiên ở Việt Nam với công nghệ đạt tiêu chuẩn GMP EU và với tổng mức đầu tư là 1.000 tỷ đồng cho hai giai đoạn.

West Food sẽ triển khai trồng 50 ha giống dưa mới MD2 trong năm 2017, dự kiến mỗi năm tăng thêm 100 ha kể từ năm 2018. Bên cạnh đó công ty đang phát triển các sản phẩm mới với sự đặt hàng của các đối tác với khối lượng lớn. Với sự đầu tư hợp lý và toàn diện về cả nguồn giống, vùng nguyên liệu, nhà máy và công nghệ sản xuất, West Food đang hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và có chiều sâu trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp.

Một chiến lược thể hiện mục tiêu phát triển bền vững của F.I.T trong ngành hàng nước giải khát là kiên trì thúc đẩy phát triển qua các dòng sản phẩm khoáng giải khát tốt cho sức khỏe người tiêu dùng. FIT Beverage sẽ tiếp tục nghiên cứu và giới thiệu loạt sản phẩm mới nhọn theo xu hướng thị trường, nhưng vẫn luôn theo tôn chỉ "tốt cho sức khỏe", vì sức khỏe của người Việt.

Với sự thành công như hiện tại, tôi tin tưởng vào thập kỷ phát triển rực rỡ tiếp theo của F.I.T. Cả hệ thống F.I.T Group cùng đang nỗ lực hoạt động vì mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của toàn Tập đoàn. Trên chặng đường sắp tới, Tập thể F.I.T sẽ tiếp tục nêu cao tinh thần làm chủ và văn hóa cam kết, để sẵn sàng đương đầu với những thử thách mới, biến khát vọng trở thành hiện thực. Đó chính là khát vọng xây dựng F.I.T trở thành Tập đoàn trị giá tỷ đô.

**Kính chúc toàn thể Quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!  
Trân trọng cảm ơn!**

**TỔNG GIÁM ĐỐC CTCP TẬP ĐOÀN F.I.T**

**Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

## 1.3 TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

### 1.3.1 NHỮNG MỐC SON TRONG QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

**2007:** Thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T

**2012:**

- + Sau 5 năm thành lập, F.I.T tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 350 tỷ đồng. Tập trung chính vào hoạt động tài chính và tư vấn đầu tư
- + Đầu tư liên kết với Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Sao Nam, đặt nền móng cho Công ty "holding" trong tương lai.

**2013:** Niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán HNX – mã cổ phiếu FIT

**2014:** F.I.T sở hữu chi phối TSC- Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (bao gồm các công ty con là CTCP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây – Westfood, Công ty Cổ phần Nông dược TSC)

**2015:**

- + Trở thành cổ đông chi phối của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long.
- + Công ty Cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa (VIKODA) trở thành công ty liên kết

**2017:**

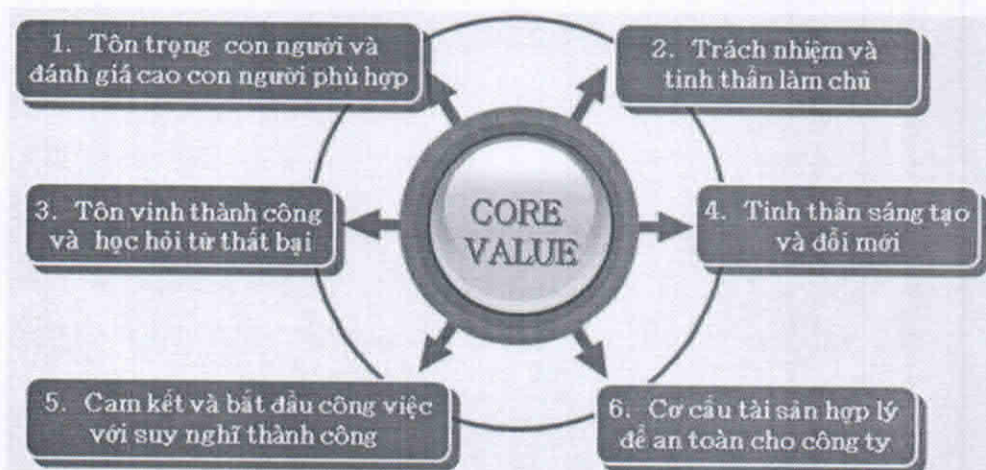
- + Tăng vốn điều lệ lên 2.547 tỷ đồng.
- + Thâu tóm thành công Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm- trước đây là Công ty liên doanh giữa Canada và Việt Nam.
- + Thành lập Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas – Công ty đầu tiên sản xuất thuốc ung thư tại Việt Nam với công nghệ tiên tiến nhất.

### 1.3.2 TƯ TƯỞNG CỐT LÕI VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

#### Tư tưởng cốt lõi

F.I.T là tập đoàn đầu tư hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông thông qua chuỗi sản phẩm tư vấn đầu tư đa dạng, danh mục đầu tư chất lượng, nhân sự chuyên nghiệp.

#### Giá trị cốt lõi







### 1.3.5 QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN NAY

		thời gian								
Các đợt tăng vốn	Đối tượng	Tỷ lệ	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Vốn điều lệ ban đầu			35							
Lần 1	Cổ đông hiện hữu Đối tác chiến lược	1:1 4 triệu cp		110						
Lần 2	Cổ đông hiện hữu	11:4			150					
Lần 3	Cổ tức	20:1			157					
Lần 4	Cổ tức Cổ đông hiện hữu Đối tác chiến lược ESOP	5:1 100:65 4.725 triệu cp 787,5 nghìn cp				346				
Lần 5	Cổ đông hiện hữu	100:60					468			
Lần 6	Đối tác chiến lược	3.2225 triệu cp					499,9			
Lần 7	Cổ tức Cổ đông hiện hữu ESOP	100:15 100:60 1.712499 triệu cp					892			
Lần 8	Cổ đông hiện hữu	1:1						1.784		
Lần 9	ESOP	787,5 nghìn cp						1.792		
Lần 10	Cổ tức	100:8							1.935	
Lần 11	Chuyển đổi trái phiếu	300 tỷ mệnh giá							2.235	
Lần 12	Cổ đông chiến lược	31.181285 triệu cp								2.547

Quy mô vốn điều lệ

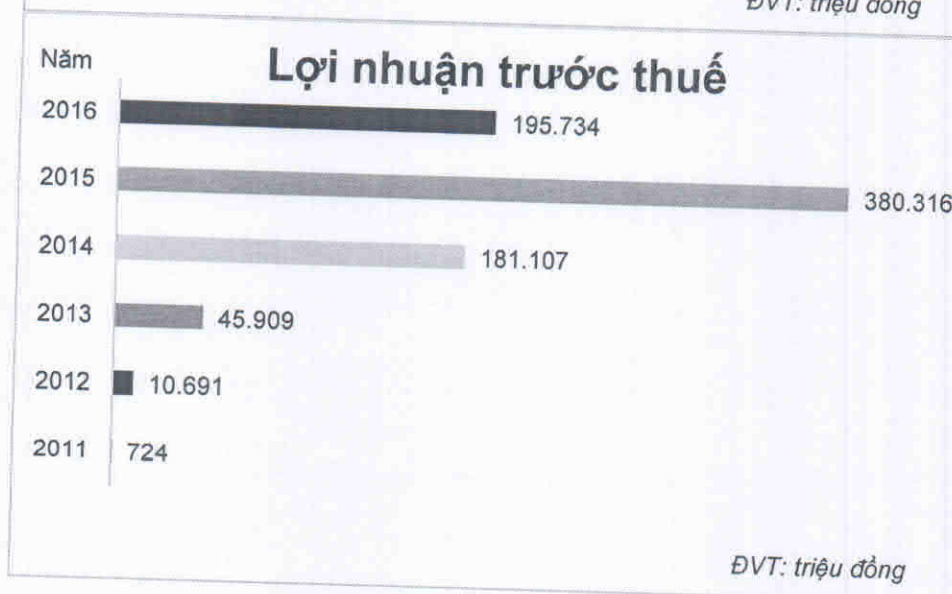
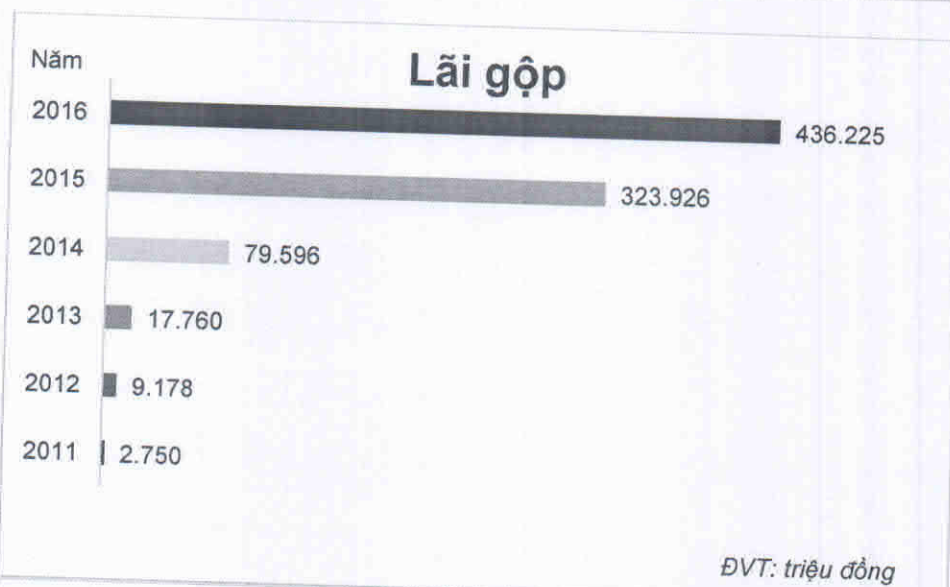
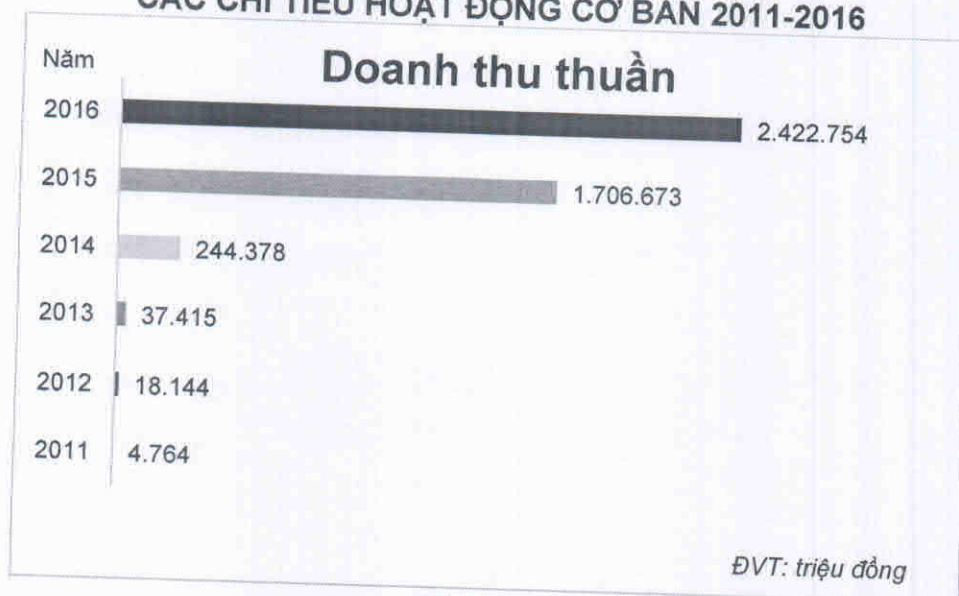
#### 1.4 CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN 2011-2016

ĐVT: triệu VND

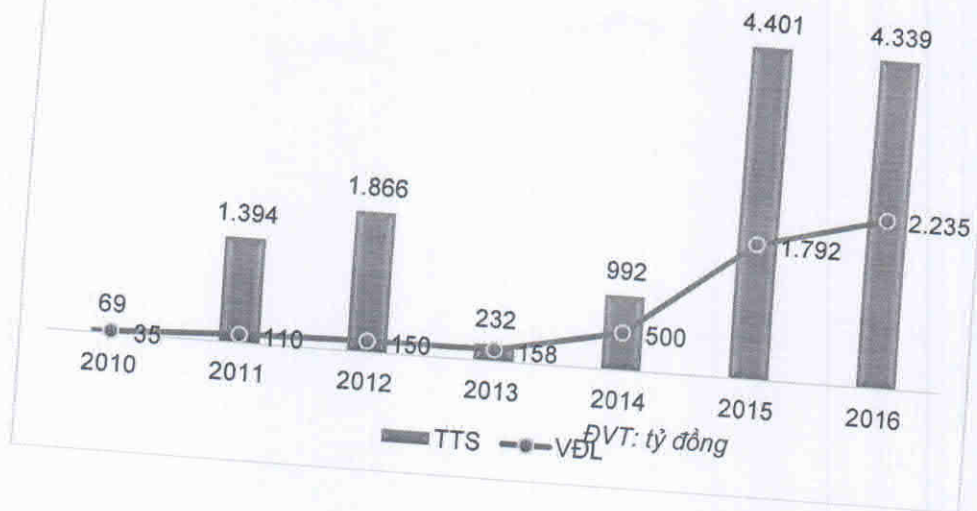
KẾT QUẢ KINH DOANH	2016	2015	2014	2013	2012	2011
Doanh thu thuần	2.422.754	1.706.673	244.378	37.415	18.144	4.764
Lãi gộp	436.225	323.926	79.596	17.760	9.178	2.750
EBITDA	308.855	449.040	188.088	199.708	257.069	115.266
Lợi nhuận trước thuế	195.734	380.316	181.107	45.909	10.691	724
Lợi nhuận sau thuế	143.684	305.715	146.032	34.343	8.711	724
Lợi nhuận cổ đông Công ty mẹ	112.030	245.265	132.137	34.343	8.711	724
<b>CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>2016</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2013</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
Tổng tài sản	4.339.323	4.400.538	992.416	232.255	1.865.920	1.394.267
Tài sản ngắn hạn	2.298.901	3.322.357	702.365	93.260	1.689.683	1.299.757
Tài sản dài hạn	2.040.423	1.078.181	290.050	138.995	176.238	94.509
Tổng nợ	576.365	1.343.364	202.807	38.775	1.706.066	1.283.124
Nợ ngắn hạn	543.282	1.041.318	201.953	37.821	1.634.390	1.210.736
Nợ dài hạn	33.083	302.046	855	954	71.677	72.388
Tổng vốn chủ sở hữu	3.762.958	3.057.175	789.608	193.480	159.854	111.143
Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn	2.519.473	2.077.870	660.600	193.480	159.854	111.143
Vốn điều lệ	2.235.490	1.792.125	500.000	157.500	150.000	110.000

<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>	<b>2016</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2013</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
<b>Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	(90.460)	235.096	106.166	(151.134)	(805.566)	271.130
<i>Trong đó</i>						
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	174.799	271.858	40.557	9.278	150.921	(2.612)
Thay đổi vốn lưu động	(265.259)	(36.761)	65.609	(160.413)	(956.487)	273.742
<b>Tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	(414.231)	(1.739.588)	(311.071)	1.787.338	393.585	(1.192.943)
<b>Tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	(187.200)	2.035.162	388.171	(1.611.875)	409.970	922.797
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(691.892)	530.671	183.266	24.329	(2.011)	984
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	739.124	208.466	25.200	871	2.882	1.899
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	47.232	739.124	208.466	25.200	871	2.882
<b>CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN</b>						
ROS	5,9%	17,9%	59,8%	91,8%	48,0%	15,2%
ROA	3,3%	6,7%	14,7%	14,8%	0,5%	0,1%
ROE	5,7%	14,7%	22,1%	17,7%	5,4%	0,7%
EPS pha loãng (VND)	556	2.140	4.019	2.234	670	100
Giá trị sổ sách/ cổ phiếu (VND)	11.270	11.594	13.212	12.284	10.657	10.104
Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu	n/a	8,0%	15,0%	20,0%	5,0%	n/a

## CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN 2011-2016



## Tổng tài sản & Vốn điều lệ 2010 - 2016

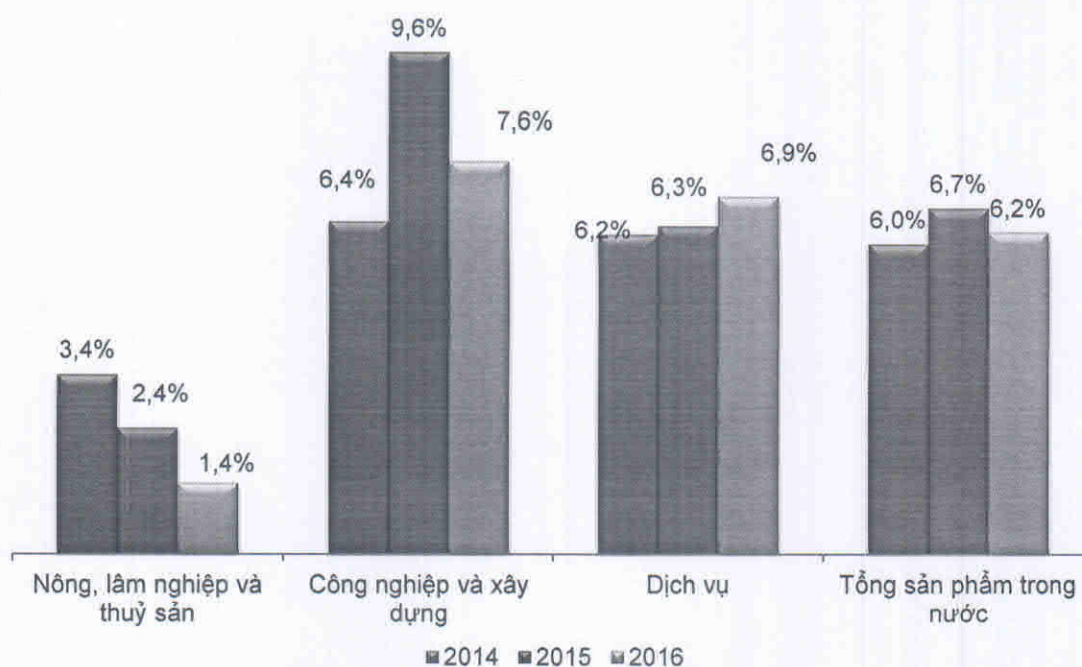


## 2. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

### 2.1 MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ

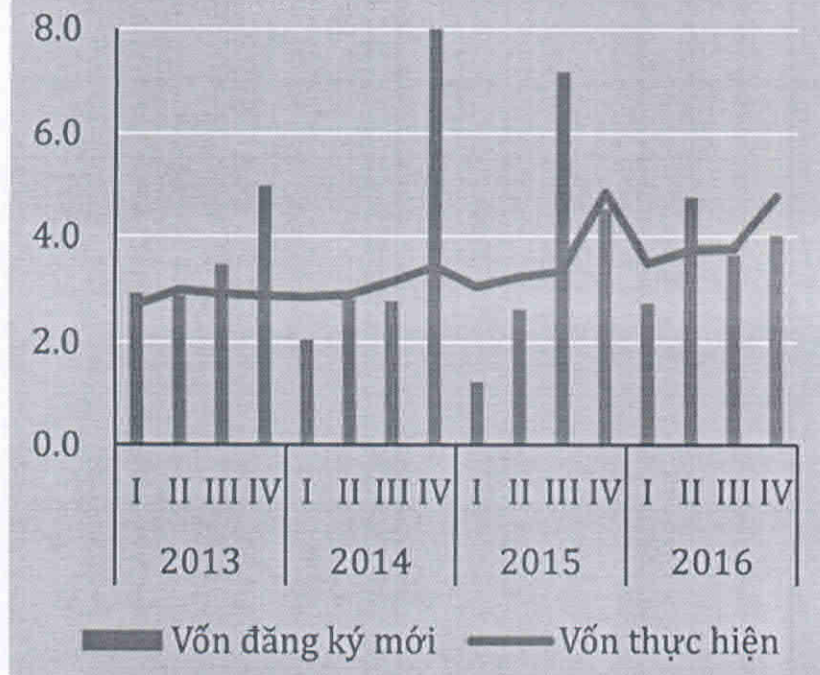
	2016 (tỷ USD)	%GDP 2016	Đóng góp vào tăng trưởng
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	31,9	16,3%	0,22%
Công nghiệp và xây dựng	64,1	32,7%	2,59%
Dịch vụ	80,1	40,9%	2,67%
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp	19,7	10,0%	0,73%
<b>GDP</b>	<b>195,8</b>	<b>100,0%</b>	<b>6,21%</b>

## Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm



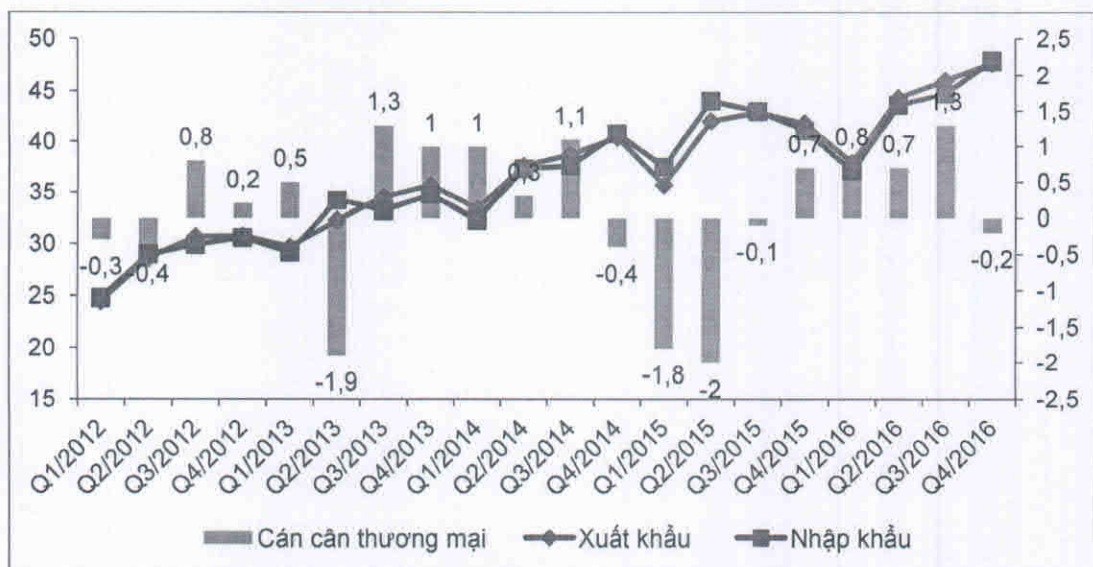
Trong 3 năm gần đây Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam duy trì mức tăng trưởng tốt trên 6% và theo dự báo của IMF mức tăng trưởng năm 2017 sẽ vẫn đạt 6,2% khẳng định đà hồi phục và tăng trưởng từ sau khủng hoảng kinh tế từ năm 2008-2011. Trong các khối ngành kinh tế thì Ngành công nghiệp và xây dựng luôn duy trì mức tăng trưởng cao, sau đó đến ngành Dịch vụ còn ngành Nông lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng ngày càng chậm lại. Điều này cũng phản ánh một phần đối với những khó khăn mà mảng nông nghiệp Tập đoàn F.I.T đang tham gia.

## Đầu tư trực tiếp nước ngoài (tỷ USD)



Nhìn biểu đồ ta có thể thấy mặc dù vốn đăng ký mới năm 2016 có xu hướng giảm do lo ngại về một số bất ổn trên thế giới như vấn đề Brexit tại nước Anh, tổng thống Hoa Kỳ mới đương nhiệm là Donald Trump sẽ có một số chính sách làm xáo trộn tình hình thế giới nhưng vốn giải ngân thực tế vào Việt Nam tiếp tục tăng chứng tỏ Việt Nam vẫn là một điểm đến hấp dẫn của dòng vốn đầu tư.

## Biểu đồ Xuất nhập khẩu (đơn vị tỷ USD)



Trung Quốc vẫn tiếp tục là thị trường mà Việt Nam nhập siêu lớn nhất với 28 tỷ USD trong năm 2016, giảm 14,9% so với năm 2015. Nhập siêu từ Hàn Quốc là 20,2 tỷ USD, tăng 8%; nhập siêu từ ASEAN là 6,3 tỷ USD, tăng 12,5%. Hai thị trường vẫn giữ được mức xuất siêu là Hoa Kỳ với 29,4 tỷ USD, tăng 14,8% so với năm 2015; EU là 22,9 tỷ USD, tăng 12,3%. Xuất khẩu Việt Nam luôn có tăng trưởng nhưng xuất siêu chủ yếu nằm ở khu vực FDI với lượng xuất siêu là 23,7 tỷ USD so với tổng xuất siêu là 2,68 tỷ USD.

**Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)** đạt 7,5% trong năm 2016 (giảm so với mức 9,8% của năm 2015). Nhóm ngành ảnh hưởng chính đến suy giảm của nhóm công nghiệp khai khoáng và đặc biệt là dầu thô và khí đốt giảm 8%, nguyên nhân do giá nguyên liệu cơ bản chạm đáy và tốc độ phục hồi cũng không nhanh.

**Nhóm chỉ số về sản xuất công nghiệp cũng cho bức tranh tích cực về khả năng phục hồi của nền kinh tế:** Chỉ số hàng tồn kho công nghiệp tăng 8,1% (so với mức 9,1% của năm 2015) tuy nhiên tỉ lệ tồn kho bình quân trong kỳ chỉ là 66,1% (so với mức 72,3% của năm 2015). Chỉ số PMI ngành sản xuất liên tục duy trì trên mức 50 điểm – đặc biệt đạt mức 54 điểm trong tháng 11/2016.

**Số liệu về hoạt động của doanh nghiệp cũng phản ánh xu hướng phục hồi của nền kinh tế:** 2016 có 110,1 nghìn DN thành lập mới, tăng 16,2% so 2015, tăng mạnh ở các lĩnh vực như BĐS, CN chế biến chế tạo, TCNH – bảo hiểm... Số DN hoạt động trở lại là 26.689 DN, tăng 24,1% so với năm 2015. Số DN giải thể trong năm là 12.478 DN, tăng 31,8% so 2015. Số DN tạm ngừng hoạt động là 60.667 DN, giảm 15,2% so 2015.

**Thị trường tiền tệ Ngân hàng:** Tăng trưởng tín dụng đến 29/12 đạt 18,71% (2015: 17,3%). Huy động vốn của các NHTM +18,4% (cùng kỳ 16,2%). Tổng phương tiện thanh toán tăng 16,47%, (cùng kỳ 13,55%). NHNN đặt mục tiêu TTTD 18% năm 2017. Thị trường ngoại hối biến động mạnh vào cuối quý 4, nhưng với dự trữ ngoại hối khoảng 40 tỷ nên giữ tỉ giá ở mức tương đối ổn định.

#### **Đánh giá chung về kinh tế 2016:**

- ❖ *Tăng trưởng kinh tế tốt hơn trong quý 4, tuy nhiên vẫn chậm hơn năm 2015.*
- ❖ *Trong khi nhu cầu tiêu dùng chưa bứt phá mạnh Xuất nhập khẩu giảm tốc, vẫn có xuất siêu.*
- ❖ *Sản xuất tăng chậm do ảnh hưởng của nhóm khai khoáng, nhóm ngành nông nghiệp suy giảm do ảnh hưởng của khí hậu.*
- ❖ *Lạm phát tăng nhưng vẫn trong ngưỡng kiểm soát.*
- ❖ *Thị trường ngoại hối và tỷ giá có biến động nhưng trong tầm kiểm soát nhờ cung ngoại tệ dồi dào CP nỗ lực cắt giảm ngân sách tuy nhiên thâm hụt ngân sách tăng cao*
- ❖ *Lãi suất huy động và cho vay nhìn chung ổn định.*

Kinh tế vĩ mô nhìn chung được đánh giá là tiếp tục ổn định và tăng trưởng sẽ tạo tiền đề và nền tảng để tập đoàn FIT tiếp tục có những bước phát triển vững chắc

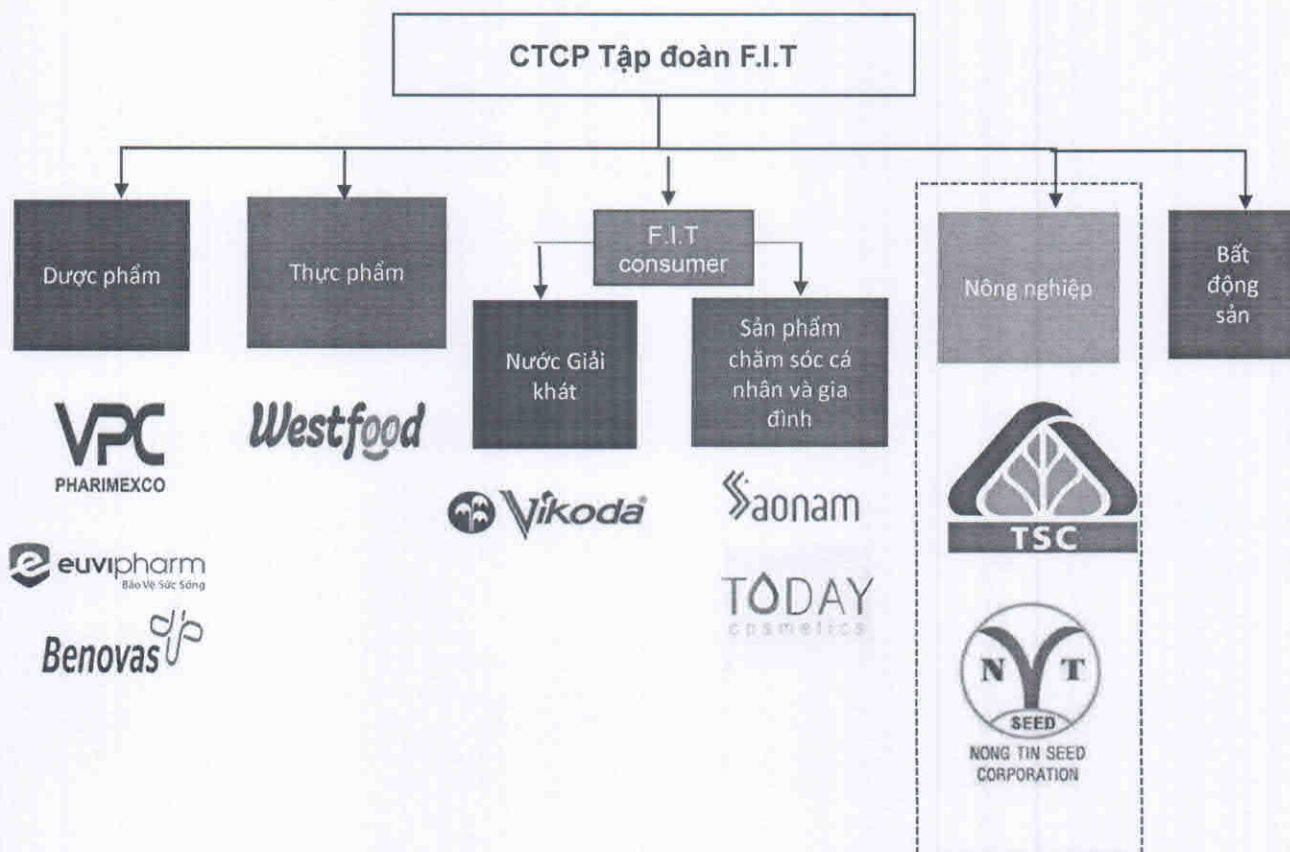


## 2.2 MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN

### 2.2.1 CẤU TRÚC HIỆN TẠI CỦA TẬP ĐOÀN

Các lĩnh vực kinh doanh Tập đoàn đang hoạt động bao gồm:

- Dược phẩm
- Thực phẩm
- Hàng tiêu dùng nhanh: trong đó có Nước giải khát và Sản phẩm chăm sóc gia đình và cá nhân
- Nông nghiệp: F.I.T đã thoái vốn khỏi mảng thuốc bảo vệ thực vật, hiện tại hoạt động chính của ngành nông nghiệp là hoạt động thương mại.
- Quản lý và kinh doanh bất động sản: F.I.T vừa tham gia vào mảng hoạt động này vào cuối năm 2016.



## 2.2.2 DỮ LIỆU TÀI CHÍNH CỦA CÁC MÀNG HOẠT ĐỘNG THUỘC TẬP ĐOÀN

### A/ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN PHÂN THEO NGÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH (SỐ THỰC TẾ)

<i>Đơn vị triệu VNĐ</i>	DOANH THU		
	2015	2016	% tăng trưởng
Kinh doanh Dược Phẩm	467.118	737.806	57.9%
Kinh Doanh Thực phẩm	263.923	295.492	12.0%
Kinh doanh Nông Nghiệp	907.714	1.030.177	13.5%
FIT Consumer	-	351.340	100.0%
<i>Nước giải khát</i>	-	256.851	100.0%
<i>Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình</i>	-	94.489	100.0%
FIT Trading	53.266	678	-98.7%
Công ty mẹ và lĩnh vực khác	14.652	7.260	-50.4%
Tổng	1.706.673	2.422.754	42.0%

Đơn vị triệu VNĐ

Nội Dung	Lũy kế 12 tháng 2015				Lũy kế 12 tháng 2016				% tăng trưởng lợi nhuận hoạt động
	Lợi nhuận hoạt động (1)	Kết quả hoạt động Tài chính (2)	Lợi nhuận hiện thời (3) = (1) + (2)	Lợi nhuận hoạt động (1)	Kết quả hoạt động Tài chính (2)	Lợi nhuận hiện thời (3) = (1) + (2)	Kết quả hoạt động Tài chính	Lợi nhuận hiện thời	
Kinh doanh Dược Phẩm	57.730	(5.974)	51.756	107.155	5.460	112.614	5.460	112.614	85,6%
Kinh Doanh Thực phẩm	28.718	30.357	59.075	6.644	4.163	10.807	4.163	10.807	-76,9%
Kinh doanh Nông Nghiệp	34.577	36.076	70.653	(15.981)	10.699	(5.281)	10.699	(5.281)	-146,2%
FIT Consumer (*)	-	-	-	(18.937)	0.924	(18.012)	0.924	(18.012)	100,0%
Nước giải khát	-	-	-	(12.758)	0.924	(11.834)	0.924	(11.834)	100,0%
Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	-	-	-	(6.179)	-	(6.179)	-	(6.179)	100,0%
FIT Trading	4.726	6.867	11.593	(3.528)	8.741	5.213	8.741	5.213	-174,6%
Hoạt động của công ty mẹ và lĩnh vực khác	(22.345)	204.800	182.454	(37.746)	127.999	90.254	127.999	90.254	68,9%
Tổng	103.406	272.126	375.531	37.608	157.987	195.595	157.987	195.595	-63,6%

(\*) F.I.T consumer được thành lập từ đầu 2016

**B/ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN PHÂN THEO NGÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH (GIẢ ĐỊNH F.I.T CONSUMER ĐƯỢC HỢP NHẤT TRỌN NĂM 2015 VÀ 2016)**

F.I.T thâu tóm công ty con và đầu tư vào công ty liên kết chủ yếu từ giữa năm 2015, do vậy sử dụng số thực tế (hợp nhất công ty con trong năm) để so sánh tăng trưởng giữa 2016 và 2015 sẽ không có nhiều ý nghĩa. Chúng tôi đưa vào đây bảng số liệu với giả định các đơn vị thành viên cũng như công ty liên kết đều được hợp nhất trọn vẹn năm 2015 và 2016.

Đơn vị triệu VNĐ	DOANH THU		% tăng trưởng doanh thu
	2015	2016	
Kinh doanh Dược Phẩm	669.565	737.806	10,2%
Kinh Doanh Thực phẩm	263.923	295.492	12,0%
Kinh doanh Nông Nghiệp	907.714	1,030.177	13,5%
FIT Consumer	318.600	413.765	29,9%
<i>Nước giải khát</i>	163.733	256.851	56,9%
<i>Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình</i>	154.867	156.913	1,3%
FIT Trading	53.266	0.678	-98,7%
Hoạt động của công ty mẹ và lĩnh vực khác	14.652	7.260	-50,4%
<b>Tổng</b>	<b>2.227.719</b>	<b>2.485.178</b>	<b>11,6%</b>

Đơn vị triệu VNĐ

Nội Dung	LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG		
	2015	2016	% tăng trưởng
Kinh doanh Dược Phẩm	88.493	107.155	21,1%
Kinh Doanh Thực phẩm	28.718	6.644	-76,9%
Kinh doanh Nông Nghiệp	34.577	(15.981)	-146,2%
FIT Consumer	2.173	(32.206)	-1582,0%
<i>Nước giải khát</i>	11.529	(12.758)	-210,7%
<i>Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình</i>	(9.356)	(19.448)	107,9%
FIT Trading	4.726	(3.528)	-174,6%
Hoạt động của công ty mẹ và lĩnh vực khác	(22.345)	(37.746)	68,9%
<b>TOTAL</b>	<b>136.342</b>	<b>24.339</b>	<b>-82,1%</b>

## 2.3 CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG MỖI LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN

### 2.3.1 LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DƯỢC PHẨM

#### A/ Tóm lược về Công ty Cổ Phần Dược Cửu Long (DCL)

Top 5 công ty dược phẩm lớn nhất Việt Nam

Giấy chứng nhận: ISO9001:2008,ISO/IEC17025:2005;ISO27001:2005,GMP-WHO

Năng lực sản xuất hiện tại lên đến 500 triệu sản phẩm một tháng

Công ty hiện có 5 nhà máy hoạt động trong 3 mảng.

- 3 Nhà máy Dược phẩm đạt tiêu chuẩn WHO – GMP
- 1 Nhà máy sản xuất viên nang rỗng (chiếm 40% toàn thị trường) Công nghệ Canada
- 1 Nhà máy thiết bị y tế (nhà cung cấp lớn thứ 2 tại VN Công nghệ Hàn Quốc)

#### B/ Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: tỷ VND	Doanh thu thuần	
	2015	2016
Nhóm sản phẩm		
Dược phẩm	412	479
Viên nang mềm	166	167
Thiết bị y tế	56	77
Hoạt động khác	35	14
<b>Tổng cộng</b>	<b>669</b>	<b>737</b>

Tiếp tục sự phát triển mạnh mẽ từ năm 2015, DCL đã thể hiện kết quả kinh doanh rất tích cực trong năm 2016, với doanh thu tăng 10% so với cùng kỳ năm trước đạt 737 VND tỷ đồng và lợi nhuận hoạt động tăng 22% so với cùng kỳ năm trước đạt 102,3 tỷ đồng. Đạt được kết quả này là nhờ vào mô hình phân phối mới hiệu quả, trong đó Công ty tăng độ phủ sóng trên toàn quốc; nhờ vào việc gia tăng những sản phẩm có giá trị cao bán ra thị trường cũng như vào việc nâng cao chất lượng, thay đổi thiết kế sản phẩm.

#### **Dược phẩm:**

Doanh thu tăng 16,2% so với năm trước đạt 479 tỷ đồng. Từ đầu năm 2016, DCL đã áp dụng mô hình phân phối mới để đạt độ phủ sóng toàn quốc, ngoài 18 chi nhánh, Công ty đã ký kết thỏa thuận với 65 nhà phân phối. Hiện nay phân khúc OTC đóng góp 70% doanh thu và phân khúc ETC chiếm 30% còn lại.

#### **Viên nang rỗng:**

Các nhà máy viên nang rỗng hiện tại đã chạy hết 100% công suất nhưng không đủ cung ứng thị trường. Nhu cầu sử dụng của các nhà máy dược phẩm nội bộ cũng đã tăng đáng kể

đổi với mặt hàng này. Do vậy doanh thu bán ra bên ngoài giảm nhẹ. Trong Q3 2016, DCL đã bắt đầu mở rộng, tăng thêm 60% so với công suất sản xuất hiện tại, giai đoạn một dự kiến sẽ được hoàn thành vào cuối năm 2017 và với vốn đầu tư khoảng 160 tỷ đồng. Việc mở rộng này để có thể đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

#### **Dụng cụ y tế:**

Doanh thu có mức tăng trưởng 39% so với cùng kỳ năm trước, đạt 77,4 tỷ đồng, chỉ thông qua riêng kênh ETC. Với tốc độ tăng trưởng ổn định, DCL đang đầu tư một cách nhất quán trong việc nâng cao công suất.

Vào tháng 1/2017, Dược Cửu Long cũng đã hoàn tất thương vụ thu mua Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm, giá trị của thương vụ là 170 tỷ VND, tỷ lệ sở hữu của Dược Cửu Long tại Euvipharm là 90%. Cơ sở hạ tầng chất lượng cao tại tỉnh Long An của Euvipharm sẽ tạo điều kiện cho DCL tăng công suất sản xuất đồng thời phát triển thêm các dòng dược phẩm mới như thuốc nhỏ mắt và thuốc tiêm. Ngoài ra, cùng với Euvipharm, nhóm các công ty Dược phẩm của Tập đoàn chúng tôi sẽ có thể đẩy mạnh hoạt động R&D để phát triển được nhiều sản phẩm mới, đặc biệt là thuốc điều trị các bệnh tim mạch, ung thư, hoặc tiểu đường.

Xu hướng này sẽ tiếp tục và cho phép DCL kỳ vọng vào một kết quả kinh doanh xuất sắc trong năm 2017.

#### **C/ Định hướng phát triển cho năm 2017 và cho các năm tiếp theo**

DCL sẽ ưu tiên đầu tư cho sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng đạt tiêu chuẩn quốc tế, nghiên cứu sản phẩm có giá trị kinh tế cao giúp Doanh nghiệp tạo ra giá trị gia tăng.

Xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp từng thời điểm, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận kế hoạch. Thực hiện quản lý tài chính chặt chẽ, kiểm soát chi phí trong từng khâu để nâng cao hiệu quả hoạt động. Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2017 như sau:

- Doanh thu thuần: 914 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 96 tỷ đồng

Các dự án DCL đang triển khai bao gồm mở rộng và xây mới nhà máy sản xuất vật tư y tế, đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất Capsule theo hướng công nghệ hiện đại hóa, mang đến sản phẩm thân thiện với môi trường, con người. DCL hướng tới vị trí số 1 trên thị trường về các sản phẩm viên nang và thiết bị vật tư y tế.

Tập trung tái cơ cấu toàn diện Công ty cổ phần dược phẩm Euvipharm theo hướng hiệu quả và sẽ sớm đưa nhà máy vào vận hành sản xuất.

Dự án Nhà máy sản xuất thuốc ung thư tại Việt Nam là một dự án trọng điểm của Dược Cửu Long và sẽ là nền tảng vững chắc để cất cánh trong tương lai.

### **2.3.2 LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THỰC PHẨM**

#### **A/ Tóm lược về Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm Miền Tây (Westfood)**

Tổng diện tích 30.000 m<sup>2</sup>

Diện tích nhà máy 15.000 m<sup>2</sup>

Diện tích khu vực văn phòng 1.000 m<sup>2</sup>

Hiện tại đang bao gồm 2 dây chuyền tương ứng với 2 nhóm sản phẩm:

Rau và hoa quả đóng hộp: dây chuyền có thể đáp ứng được nhiều kích cỡ các loại hộp, công suất lên đến 2 container 20'FLC/ngày

Rau và hoa quả cấp đông (IQF): bên cạnh 4 máy IQF đang hoạt động với tổng công suất 2,7 tấn/giờ. Từ đầu năm 2017, Công ty đã đầu tư thêm một hệ thống máy cấp đông mới, trị giá 25 tỷ VND, sử dụng công nghệ Châu Âu (Hà Lan và Thụy Điển), nâng tổng công suất của dây chuyền cấp đông lên đến 4,2 tấn/giờ.

Các chứng chỉ về hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng của Westfood đã đạt được bao gồm: FDA, KOSHER, HACCP, BRC, IFS, HALAL.

#### **B/ Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh**

Trong môi trường cạnh tranh và khắc nghiệt (các nhà sản xuất ở Mỹ La-tinh và châu Á cùng giảm giá xuất khẩu vì sự mất giá của tiền tệ và trái cây Việt Nam bị mất mùa do điều kiện thời tiết), Westfood, một trong những nhà sản xuất trái cây đóng hộp và đông lạnh hàng đầu tại Việt Nam, đã thành công trong việc tăng doanh số bán hàng 12% tương đương 295,5 tỷ đồng trong năm 2016 nhờ vào doanh số tốt và ổn định tại các thị trường chính như Mỹ (40% doanh thu), Châu Âu (30% doanh thu) và Nhật Bản (15% doanh thu)

Tuy nhiên, do điều kiện thiên nhiên năm 2016 không thuận lợi, hạn hán xảy ra ở khu vực sản xuất dẫn đến giá nông sản tăng cao cùng với việc đầu tư nhiều vào hoạt động marketing và

thương mại đã ảnh hưởng đến biên lợi nhuận. Lợi nhuận hoạt động đạt 6,6 tỷ đồng trong năm 2016.

Để theo đuổi sự tăng trưởng bền vững, Westfood tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh, Công ty sẽ tập trung vào các mặt hàng giá trị cao, tập trung tiếp thị trên các kênh mua sắm trực tuyến và trên truyền hình, có sự đầu tư dài hạn vào các giống trái cây mới có lợi nhuận cao và để đảm bảo cho sự ổn định và chất lượng của nguồn trái cây.

Để đảm bảo độ ổn định của nguồn nguyên liệu, Westfood chủ trương phát triển vùng nguyên liệu ngay tại địa phương. Đến đầu tháng 12, sau 15 tháng kể từ khi vùng nguyên liệu dưa được thí điểm giống dưa mới MD2, Westfood đã nhận được những thành tựu ngoài mong đợi, với trái đều, kích thước lớn phù hợp tiêu chuẩn chế biến xuất khẩu và năng suất tăng gấp 2 lần so với trồng dưa theo công nghệ và giống cũ.

Ngoài ra, Westfood có kế hoạch mở rộng thị trường nội địa, chiếm 5% tổng doanh thu năm 2016, thông qua các hoạt động quảng bá thương hiệu không chỉ qua kênh HORECA (Khách sạn – nhà hàng – dịch vụ ăn uống) mà còn qua các kênh phân phối hiện đại (modern trade) tại các chuỗi bán lẻ chính. Bên cạnh đó, Westfood còn tiếp tục tham gia các triển lãm thực phẩm quốc tế nổi tiếng như Fine Foods (Melbourne, Australia), SIAL (Paris, Pháp) và PLMA (Chicago, Mỹ) để giới thiệu sản phẩm rộng rãi đến các khách hàng ở thị trường quốc tế.

Trong tương lai WF sẽ hướng tới vị trí công ty số một Việt Nam và công ty hàng đầu Đông Nam Á về lĩnh vực sản xuất và chế biến thực phẩm rau quả.

### **2.3.3 F.I.T CONSUMER: KINH DOANH SẢN XUẤT NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG NHANH**

F.I.T Consumer (FC) được thành lập từ 01 tháng 01 năm 2016 để quản lý các ngành hàng tiêu dùng nhanh của Tập đoàn F.I.T, khởi đầu với hoạt động trong ngành nước giải khát và các sản phẩm chăm sóc gia đình và cá nhân. FC đóng vai trò như nhà phân phối sản phẩm tại thị trường Việt Nam cho các Công ty sản xuất. Các Công ty hoạt động được hợp nhất vào FC theo phương pháp hợp nhất theo vốn chủ sở hữu.

Với khoản đầu tư 49% vào Vikoda và Sao Nam, FC tập trung vào việc tái cấu trúc các Công ty thông qua cải tạo hệ thống phân phối để mở rộng độ phủ và chuyển sang mô hình bán hàng chủ động, chuyển đổi sang việc nhận diện thương hiệu mới để tăng nhận thức của người tiêu dùng về thương hiệu của Công ty, mở rộng các dòng sản phẩm và tung ra các sản phẩm mới cũng như tổ chức lại bộ phận marketing với việc chú trọng vào việc tuyển dụng các nhân sự nhiều kinh nghiệm.

Năm 2016, doanh thu của mảng sản xuất hàng tiêu dùng nhanh tăng 30% so với cùng kỳ năm ngoái trong khi lợi nhuận hoạt động âm 32 tỷ đồng do chi phí thực hiện các kế hoạch tái cấu trúc và chi phí đầu tư vào các hoạt động marketing and khuyến mại.

#### **2.3.3.1 Nước giải khát: Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda)**

##### **A/ Tóm lược về Công ty:**

- Vikoda sở hữu nguồn nước khoáng thiên nhiên có độ PH cao độ khoáng (PH 9-9,5), là sản phẩm theo xu hướng vì sức khỏe.
- Tổng diện tích đất: 32,5 ha
- Diện tích xưởng sản xuất và kho 1,05 ha
- Diện tích văn phòng 600 m<sup>2</sup>
- Xưởng sản xuất của Vikoda gồm có 5 dây chuyền sản xuất với tổng năng lực lên đến 50.000 đơn vị sản phẩm/giờ

##### **B/ Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh**

Doanh thu năm 2016 tăng 57% so với năm 2015 đạt 257 tỷ đồng nhờ vào các hoạt động marketing và các chính sách thương mại kết hợp tạo ra sự tăng trưởng mạnh mẽ. Trong thời gian vừa qua, các nhãn hiệu chính như Vikoda, Đánh Thạnh và IMen (nhãn hiệu nước tăng lực mới, được tung ra thị trường từ tháng 7) đã được phân phối rộng rãi nhờ hệ thống khách hàng mà FC phát triển.

##### **C/ Định hướng phát triển cho năm 2017 và cho các năm tiếp theo:**

F.I.T Beverage hướng tới đem đến cho khách hàng những trải nghiệm sáng khoái, khỏe mạnh, vui vẻ bằng các thương hiệu sản phẩm chất lượng từ nguồn khoáng thiên nhiên hoặc từ những lợi thế cạnh tranh của sự sáng tạo liên tục.

**Tập trung phát triển một số ngành hàng có thị phần lớn, có tiềm năng, có cơ hội tạo sự khác biệt và cạnh tranh bền vững:**

- Nước (Hydration)
- Có lợi cho sức khỏe (Healthy & Wellness)
- Chức năng (Functional Drinks)

Phát triển những sản phẩm tận dụng công nghệ hiện có của nhà máy và đầu tư thêm công nghệ mới để tạo ra các sản phẩm khác biệt làm hài lòng khách hàng.

Những sản phẩm dễ dàng gia công tại các thị trường khác.

### **2.3.3.2 Sản phẩm chăm sóc gia đình và cá nhân**

**A/ Tóm lược về nhà máy Today Cosmetics tại Long An:**

- Diện tích xưởng sản xuất 560 m<sup>2</sup>
- Diện tích văn phòng 400 m<sup>2</sup>
- Diện tích kho 1,600 m<sup>2</sup>
- Các công trình khác gần 2,400 m<sup>2</sup>

**Các nhãn hiệu đang sản xuất và kinh doanh:**



### **B/ Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh**

Doanh thu 2016 so với cùng kỳ năm ngoái tiếp tục duy trì ổn định, ở mức 157 tỷ do chấm dứt việc phân phối một số nhãn hiệu, chủ yếu là ở các nhãn hiệu nhập khẩu nhằm tập trung nguồn lực vào những nhãn hiệu FC tự phát triển như Rocket và Dr. Kool. Trong khi lợi nhuận hoạt động ở mức âm 19,5 tỷ, do chi phí của việc tái cơ cấu tổ chức cũng như chi phí cho các hoạt động marketing và khuyến mại.

Trong tiến trình định vị lại thương hiệu, FC đã đưa ra thị trường sản phẩm mới trong cả 2 mảng nước giải khát và chăm sóc cá nhân:

- Tero: thương hiệu nước rửa chén theo xu thế nước rửa chén sinh học cũng vừa được giới thiệu thị trường vào tháng 7 rất được người tiêu dùng đón nhận, đã và đang được phân phối rộng rãi trên cả nước.
- Đánh Thanh Cola: sản phẩm nước giải khát có ga quen thuộc với người tiêu dùng.
- NuWHITE Spa: sản phẩm sữa tắm hạt phát triển từ dòng sản phẩm NuWHITE sẵn có của Sao Nam.

Với việc phát triển và đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới và những nỗ lực trong hoạt động marketing, năm 2017, doanh thu của ngành hàng tiêu dùng nhanh dự kiến sẽ tăng mạnh và bắt đầu có lợi nhuận.

### **2.3.4 LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP:**

F.I.T, thông qua TSC, đang hoạt động trong ngành nông nghiệp với ba lĩnh vực chính: thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống và các sản phẩm nông nghiệp, kinh doanh (sắn, lúa, đậu tương và ngô). Doanh thu trong năm 2016 đạt 1.030 tỷ đồng, tăng 13% so với năm trước, chủ yếu đến từ các hoạt động thương mại, trong khi ghi nhận mức lỗ từ hoạt động kinh doanh là 16 tỷ. Nguyên nhân là do mảng hạt giống và thuốc bảo vệ thực vật bị ảnh hưởng bởi hạn hán nghiêm trọng ở miền Nam và miền Trung Việt Nam và việc giá ngô và gạo trên thị trường quốc tế đã ảnh hưởng tới sản lượng và lợi nhuận của hoạt động thương mại và kinh doanh giống cây trồng của Công ty.

Cùng với việc đánh giá lại chiến lược hoạt động trong ngành Nông nghiệp, chúng tôi quyết định chấm dứt hoạt động kinh doanh hạt giống đồng thời bán nhà máy nông dược vào đầu



năm 2017. Hiện tại Tập đoàn sẽ chỉ tập trung vào hoạt động thương mại các sản phẩm nông nghiệp.

#### **Hoạt động thương mại của TSC**

Doanh thu đạt 953,8 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ năm trước, nhờ vào sản lượng giao dịch cao của mặt hàng lúa gạo, nhưng biên lợi nhuận thấp, đặc biệt là đối với lượng gạo từ Thái Lan trên thị trường quốc tế. TSC đang thực hiện các giao dịch mua bán sản từ các nhà máy địa phương với các đối tác Trung Quốc, sản xuất ngô cho các nhà máy thức ăn chăn nuôi trong nước và xuất khẩu gạo theo chương trình của Chính phủ sang Philippine. TSC cũng đang thực hiện mua bán tinh bột sắn.

Không tính đến thu nhập từ việc thoái vốn, mảng Nông nghiệp vẫn có lợi nhuận trong năm 2017, tuy nhiên mức lợi nhuận sẽ rất thấp do biên lợi nhuận của hoạt động thương mại rất thấp. Sang năm 2017 chúng tôi cũng sẽ cơ cấu lại mảng kinh doanh này để tập trung nguồn lực cho các mảng cốt lõi khác.

#### **2.3.5 LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN: F.I.T LAND**

F.I.T Land sẽ đầu tư vào bất động sản văn phòng, bất động sản công nghiệp và thương mại chủ yếu phục vụ nhu cầu hoạt động của các Công ty của Tập đoàn. F.I.T Land sẽ quản lý một danh mục bất động sản đầu tư nhằm mục tiêu tạo ra dòng tiền mặt thường xuyên và gia tăng giá trị tài sản của Công ty theo thời gian.

Vào cuối năm 2015, F.I.T Land đã thực hiện mua hai phần diện tích văn phòng tầng 4 và tầng 5 - thuộc Khối dịch vụ thương mại – văn phòng thuộc Dự án nhà ở kinh doanh kết hợp dịch vụ thương mại HACC1 Complex Building tại lô đất 2.6NO đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với tổng diện tích là 4.490 m<sup>2</sup>.

Giá trị của tài sản chuyển nhượng là 102 tỷ đồng.

#### **2.3.6 HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY MẸ:**

F.I.T cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực tư vấn, hợp tác đầu tư và đầu tư.

##### **▪ Dịch vụ tư vấn**

Với đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm và được đào tạo chuyên nghiệp bài bản, chúng tôi đã cung cấp cho khách hàng của mình những tư vấn hợp lý và giá trị trong các lĩnh vực huy động và thu xếp vốn cho các dự án, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, Repo cổ phiếu, tư vấn các dự án M&A, tư vấn phát triển thương hiệu doanh nghiệp.

##### **▪ Hoạt động hợp tác đầu tư**

Nhằm gia tăng được lợi ích cho cả đối tác và F.I.T, chúng tôi đã nghiên cứu và đưa ra nhiều sản phẩm hợp tác đầu tư như Repo cổ phiếu hoặc trái phiếu, Repo bất động sản.

##### **▪ Đầu tư**

Chúng tôi tiếp tục thực hiện giải ngân vào các sản phẩm đầu tư tài chính, các dự án bất động sản cũng như công ty con và công ty liên kết. Bắt đầu từ 2014, F.I.T tiến hành mua các công ty và nhà máy nhờ vậy có sự dịch chuyển cơ cấu từ công ty đầu tư thuần túy sang một công ty có sản xuất hoạt động kinh doanh.

#### ***Đầu tư ngắn hạn***

Xác định mục tiêu dài hạn là trở thành Tập đoàn đa ngành nghề đứng đầu tại Việt Nam, tham gia vào hoạt động trong những ngành có tiềm năng tăng trưởng cao nhất, F.I.T đã giảm hoạt động đầu tư ngắn hạn trên thị trường tài chính, ở cả cổ phiếu và trái phiếu. Trong năm 2016, F.I.T tiến hành giải ngân ngắn hạn vào các cổ phiếu GAS, VNM; PVT; HPG, đã thanh lý một phần danh mục và điều chỉnh lại mức tỷ suất lợi nhuận cao tuy nhiên quy mô đầu tư không lớn.

### ***Đầu tư dài hạn***

Năm 2016, Tập đoàn đẩy mạnh đầu tư tại các Công ty con để phát triển, mở rộng hoạt động kinh doanh: Tăng tỷ lệ sở hữu đối với Công ty Dược phẩm, đầu tư và hỗ trợ vốn cho hoạt động ngành hàng tiêu dùng và quyết định thoái vốn khỏi hoạt động Nông nghiệp.

Thực hiện theo đúng chiến lược tập trung vào việc xây dựng một tập đoàn đầu tư kinh doanh, F.I.T đã giảm các hoạt động tài chính trong chín tháng đầu năm 2016, đặc biệt là chứng khoán và giao dịch trái phiếu. Do đó, lợi nhuận hiện tại của mảng này giảm từ 182 tỷ đồng xuống 90 tỷ đồng, lợi nhuận giao dịch thấp hơn khi doanh thu chủ yếu đến từ lợi nhuận được tạo ra bởi các danh mục đầu tư ngắn hạn.

## **2.4 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

F.I.T đang trong giai đoạn chuyển mình từ một công ty đầu tư và tư vấn tài chính thuần túy sang một Tập đoàn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để phát triển bền vững thì FIT luôn xây dựng một hệ thống quản trị chặt chẽ không chỉ từ Công ty mẹ mà xuyên suốt cho đến Công ty con để có được sự nhất quán tạo nên sức mạnh tổng hợp.

Mục tiêu chính của Tập đoàn là hoạt động hiệu quả trong các lĩnh vực, ngành hàng có quy mô lớn tạo ra các sản phẩm và dịch vụ phục vụ nhu cầu của tầng lớp trung lưu tại Việt Nam như Dược phẩm, Thực phẩm và Ngành hàng tiêu dùng nhanh. FIT nghiên cứu đầu tư vào các Công ty tiềm năng thuộc các ngành hàng phát triển như nói ở trên và sẽ hỗ trợ doanh nghiệp rất nhiều về công tác quản trị điều hành, đầu tư vào sản phẩm khác biệt, thương hiệu mạnh, mở rộng hệ thống bán hàng, kênh phân phối để gia tăng giá trị cho doanh nghiệp và dần từng bước đưa các Công ty này dẫn đầu trong các ngành hàng tham gia.

Bên cạnh đó Bất động sản cũng là một lĩnh vực FIT sẽ quan tâm để đầu tư vì đây là lĩnh vực có quy mô, tiềm năng tăng trưởng cao và đem lại mức lợi nhuận lớn. Tuy nhiên FIT sẽ đầu tư một cách thận trọng kết hợp với việc nghiên cứu kỹ lưỡng và quản trị chặt chẽ để đem lại hiệu quả cao nhất cho nguồn vốn đầu tư.

Ngoài ra, F.I.T vẫn tiếp tục duy trì một danh mục đầu tư ngắn hạn để nắm bắt các cơ hội trên thị trường và tạo ra mức sinh lời cao.

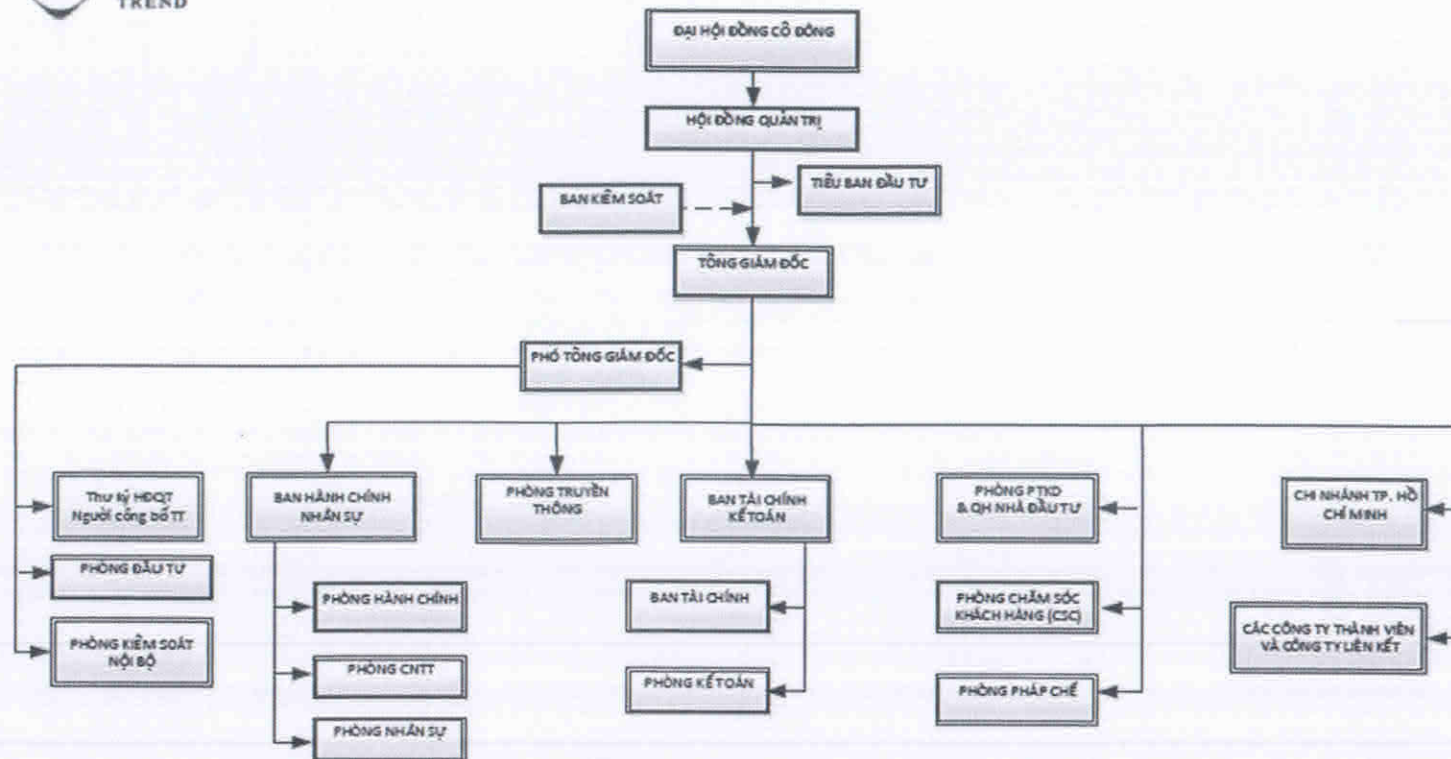
Trong thời gian tới, Tập đoàn sẽ tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động thông qua tăng trưởng tự thân cũng như đầu tư các công ty tiềm năng khác. Đồng thời duy trì và phát triển mối quan hệ đối tác với những doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy năng lực quản trị, công nghệ, kỹ thuật và thương mại.

### 3. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

#### 3.1 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T



## 3.2 NHÂN SỰ CAO CẤP

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

#### **Ông Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch HĐQT**

Ông Nguyễn Văn Sang, Chủ tịch Tập đoàn và cũng là cổ đông sáng lập của F.I.T, có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc tại các Tập đoàn Đa quốc gia lớn như Procter&Gamble Việt Nam (P&G Việt Nam), Shell Gas Haiphong Ltd.

Cùng với sự giúp sức của các Thành viên Ban quản trị khác, với nền tảng kinh nghiệm sâu rộng trong kinh doanh, bán hàng, quản trị và tài chính, ông Sang đã đóng vai trò như linh hồn của cả Tập đoàn, xây dựng chiến lược giúp F.I.T trở thành một Tập đoàn đa ngành nghề đứng đầu Việt Nam.

Ông Sang tốt nghiệp Đại học và lấy bằng Thạc sỹ Tài chính tại Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

#### **Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD**

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt là thành viên sáng lập, đồng thời đảm nhiệm cương vị Tổng giám đốc của F.I.T. Trên cương vị này, bà đã vận hành và quản lý hoạt động của toàn Tập đoàn thông suốt, theo sát định hướng và chiến lược do HĐQT đề ra.

Với kiến thức của một chuyên gia trong ngành Tài chính, Kế toán và Quản trị Hành chính Nhân sự, bà Nguyệt đã đóng góp rất to lớn cho hoạt động và sự phát triển của Tập đoàn từ những giai đoạn đầu tiên.

Trước khi tham gia F.I.T, Bà Nguyệt đã có 16 năm làm việc trong ngành tài chính, Quản trị, Nhân sự tại Mekong Automobile Corporation và Shell Gas Haiphong Ltd.

Bà Nguyệt tốt nghiệp trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội lấy bằng MBA cũng tại đây.

#### **Ông Phan Minh Sáng - Thành viên HĐQT**

Ông Phan Minh Sáng có hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính, kinh doanh và quản trị mại tại các công ty trong và ngoài nước như Công ty Sản xuất phụ tùng ô tô xe máy GMN, Công ty Nước giải khát Delta, Công ty Xổ số điện toán Việt Nam, Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội (Geleximco). Tham gia vào F.I.T từ năm 2014 với cương vị Thành viên HĐQT, ông Sáng đã đóng góp, tham gia vào các quyết sách định hướng chiến lược phát triển của F.I.T.

Ông Sáng tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính và lấy bằng Thạc sỹ tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

#### **Ông Phạm Công Sinh - Thành viên HĐQT**

Ông Phạm Công Sinh có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản trị và tiếp thị thương mại trong các công ty sản thương mại cũng như sản xuất, tại Tập đoàn Hóa mỹ phẩm hàng đầu thế giới Procter&Gamble (P&G), ông đóng vai trò xây dựng nhãn hiệu và kênh phân phối của các ngành hàng tiêu dùng.

Ông là người sáng lập ra Công ty Cổ phần Thương mại - Sản xuất - Dịch vụ Sao Nam và phát triển hàng loạt nhãn hiệu trong nhóm sản phẩm ngành tiêu dùng nhanh, bao gồm nước rửa tay DrClean, sữa tắm NuWhite, kem đánh răng DrKool, khăn ướt Rosy, chai diệt côn trùng Rocket.

Với cương vị thành viên HĐQT, ông Sinh đã đóng góp, tham gia vào các quyết sách định hướng chiến lược phát triển của F.I.T. Bên cạnh đó ông còn đóng vai trò lãnh đạo tại F.I.T consumer- một thành viên thuộc Tập đoàn F.I.T, chuyên về sản xuất và phân phối các sản phẩm tiêu dùng nhanh. Ông cũng nắm vị trí Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (Vikoda).

Ông Sinh tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1996 và lấy bằng MBA tại đại học North Central University (Hoa Kỳ).

### **Bà Bùi Thanh Hương - Thành viên không hoạt động HĐQT**

Bà Bùi Thanh Hương có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các doanh nghiệp lớn của Việt Nam như: Hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam, Công ty TNHH TM Thăng Long Hà Nội... Là thành viên không hoạt động trong HĐQT F.I.T, bà Hương cùng các thành viên khác đã đóng góp những ý kiến có giá trị vào chiến lược phát triển của Công ty. Bà Hương tốt nghiệp Đại học Thương mại Hà Nội.

### **Ông Bùi Xuân Trung – Phó Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Xuân Trung đã kinh qua nhiều chức vụ cao cấp trong lĩnh vực đầu tư, quản trị dự án và quản trị kinh doanh. Ông có hơn 10 năm kinh nghiệm công tác tại Công ty Tài chính Bưu Điện, Ngân hàng VIB trước khi về đầu quân cho Tập đoàn F.I.T. Với vốn kiến thức sâu rộng trong thị trường tài chính và trong lĩnh vực đầu tư, ông Trung đã phát triển và thực hiện chiến lược đầu tư của Tập đoàn đồng thời giám sát hoạt động của các công ty thành viên và các phòng ban tuân thủ theo kế hoạch và chiến lược đã được đề ra. Ông Trung lấy bằng Cử nhân chuyên ngành Kiểm toán và MBA tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

### **Bà Trần Thị Mai Hương – Kế toán trưởng**

Bà Hương là một chuyên gia kế toán. Trước khi tham gia FIT, bà từng đảm nhiệm vị trí quản lý nghiệp vụ kế toán tại Newsplus và Goldsun. Hiện tại bà Hương đang phụ trách hoạt động kế toán của toàn hệ thống F.I.T chính xác, chuyên nghiệp và hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và đáp ứng cho sự phát triển không ngừng lớn mạnh của F.I.T. Bà Trần Thị Mai Hương tốt nghiệp Khoa Kế toán doanh nghiệp tại Đại học Tài chính kế toán.

### **THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU**

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Ninh Việt Tiến	Trưởng Ban kiểm soát	0 cổ phần
2	Ông Lưu Đức Quang	Thành viên BKS	0 cổ phần
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	0 cổ phần

### **CƠ CẤU TIỂU BAN ĐẦU TƯ**

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban Tiểu Ban Đầu tư	0 cổ phần
2	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên Ban Đầu tư	100.000 cổ phần
3	Ông Bùi Xuân Trung	Thành viên Ban Đầu tư	0 cổ phần

Các chức vụ kiêm nhiệm của Thành viên HĐQT và Ban Điều Hành F.I.T trong HĐQT của Tổ chức khác.

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác	Công ty	Ghi chú
-----------------	---------	----------------------	--	---------	---------

Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	0	Chủ tịch  Chủ tịch Chủ tịch Chủ tịch	CTCP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây CTCP Hạt giống TSC CTCP FIT Consumer CTCP Westfood Hậu Giang CTCP Nước khoáng Khánh Hoà	Bổ nhiệm ngày 22/12/2015
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	100.000	Chủ tịch  Thành viên  Thành viên  Thành viên  Thành viên	CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ CTCP Dược phẩm Cửu Long CTCP Hạt giống TSC CTCP Westfood Hậu Giang CTCP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây CTCP FIT Consumer	
Ông Phan Minh Sáng	TV HĐQT	0	Thành viên  Thành viên  Thành viên  Thành viên	CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ CTCP Nước khoáng Khánh Hoà CTCP Hạt giống TSC CTCP Westfood Hậu Giang CTCP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	
Ông Phạm Công Sinh	TV HĐQT	0	Thành viên  Thành viên  Thành viên Chủ tịch	CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ CTCP Nước khoáng Khánh Hoà CTCP FIT Consumer CTCP Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Sao Nam	
Bà Bùi Thanh Hương	TV HĐQT	0	Thành viên	CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Thành viên HĐQT độc lập

### 3.3 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 09 THÁNG 01 NĂM 2017

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu %
I	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>4.122</b>	<b>211.457.979</b>	<b>2.114.579.790.000</b>	<b>83,01%</b>
1	Cổ đông tổ chức	39	103.278.200	1.032.782.000.000	40,54%
2	Cổ đông cá nhân	4.083	108.179.779	1.081.797.790.000	42,47%
II	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>56</b>	<b>43.272.268</b>	<b>432.722.680.000</b>	<b>16,99%</b>
1	Cổ đông tổ chức	14	34.498.699	344.986.990.000	13,54%
2	Cổ đông cá nhân	42	8.773.569	87.735.690.000	3,44%
<b>Tổng cộng</b>			<b>254.730.247</b>	<b>2.547.302.470.000</b>	<b>100%</b>

Trong năm 2016, F.I.T không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

### 3.4 CÁC ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T TRONG NĂM 2016

Trong tháng 06 năm 2016, F.I.T đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 8%. Cũng trong tháng 6 năm 2016, Hội đồng quản trị F.I.T đã thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty thông qua đợt phát hành riêng lẻ 31,181,285 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược, giá bán là 11,500 VND cổ phiếu tại Đại hội cổ đông bất thường đã được tổ chức vào ngày 22 tháng 9 năm 2016. Đợt phát hành đã được hoàn tất trong Quý 1 năm 2017

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2016, F.I.T đã phát hành 30 triệu cổ phiếu mới tương ứng cho 300 tỷ trái phiếu chuyển đổi đã phát hành từ năm 2015.

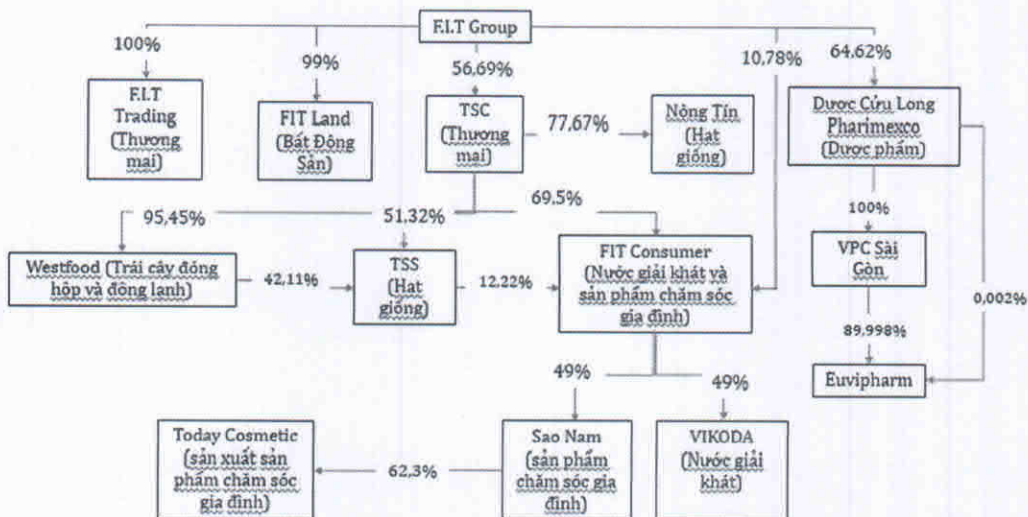
Hiện tại, vốn điều lệ của Tập đoàn F.I.T là 2.547 tỷ đồng.

### 3.5 SỰ THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TẠI CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN TRONG NĂM 2016

- F.I.T tăng 3,41% sở hữu tại DCL chiếm 62,61% tương đương khoản đầu tư 31.418.676.930 tỷ đồng.
- F.I.T giảm 2,13% vốn sở hữu của F.I.T tại TSC chiếm 56,69% tương đương 92.434.637.182 VND.

Trong tháng 8 năm 2016, F.I.T đã công bố về định hướng đến cuối năm sẽ tăng cổ phần tại DCL lên tới 80% thông qua mua thêm từ 5 đến 10 triệu cổ phiếu. Vào ngày 9 tháng 12 năm 2016, F.I.T đã tăng tỷ lệ sở hữu tại DCL lên 64,62%.

**Cấu trúc của các Công ty trong Tập đoàn:**



**Thông tin của các công ty con và công ty liên kết trong Tập đoàn.**

**i. Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long**

- Địa chỉ: Số 150, đường 14/9, Phường 5, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu trực tiếp: dược phẩm, capsule, các loại dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu, hóa chất, nguyên liệu và các loại sản phẩm bao bì dùng trong ngành dược.
- Vốn điều lệ: 201.198.600.000 đồng.
- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500202535 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 09/11/2004 đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 29/08/2016.
- Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 64,62% (tại thời điểm 08/12/2016).
- Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 364.026.160.000 đồng (tại thời điểm 31/01/2016).

**ii. Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ**

- Địa chỉ: Số 1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
- Ngành nghề kinh doanh: Nhập khẩu kinh doanh phân bón các loại; thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản; nhập khẩu, kinh doanh máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp...
- Vốn điều lệ: 1.476.480.840.000 đồng.
- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 12 ngày 09 tháng 10 năm 2015 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.
- Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 56,69% (tại thời điểm 01/6/2016).
- Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 837.005.230.000 đồng (tại thời điểm 01/6/2016).

**iii. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam**

- Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà Center Building (Hapulico Complex), số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Ngành nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu và phân phối nông, lâm sản, thực phẩm, nước giải khát, kinh doanh thương mại.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.
- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106567335 đăng ký lần đầu ngày 10/06/2014 và thay đổi lần thứ 2 ngày 08/10/2015 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 100% (tại thời điểm 31/01/2016).
- Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng (tại thời điểm 31/03/2015).

**iv. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản FIT**

- Địa chỉ: Tầng 16, tòa Center – Hapulico, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; kinh doanh khác liên quan đến bất động sản....
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.
- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107499328 do Sở kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/07/2016.
- Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 99% (tại thời điểm 08/12/2016).
- Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 99.000.000.000 đồng (tại thời điểm 31/01/2016).



## **3.6 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **3.6.1 CƠ CẤU NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Tháng 09 năm 2016, HĐQT đã thông qua việc từ nhiệm vị trí thành viên HĐQT của ông Ngô Anh Sơn và ông Vũ Thành Lê. Việc từ nhiệm của 2 thành viên nói trên đã được chính thức thông qua tại ĐHĐCĐ bất thường của công ty vào ngày 22/9/2016.

Các thành viên HĐQT đã sâu sát trong việc giám sát và điều hành hoạt động của F.I.T nói chung và Ban điều hành nói riêng.

### **3.6.2 CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH**

Năm 2016, HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành và các cán bộ quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh, huy động quản lý nguồn vốn, duy trì và từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm.

Trong năm 2016, các thành viên trong HĐQT Công ty đã phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. HĐQT đóng vai trò định hướng, chỉ đạo, giám sát tình hình triển khai các chủ trương quyết định và hỗ trợ Ban Điều hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong mối quan hệ với Ban điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng cùng Ban điều hành để nắm bắt tình hình kinh doanh và có ý kiến chỉ đạo, định hướng cũng như giải quyết những đề xuất, kiến nghị trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT yêu cầu Ban điều hành báo cáo tình hình hoạt động của Công ty và báo cáo đột xuất nếu nhận thấy có vấn đề phát sinh có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở kết hợp phân tích tình hình thực tiễn, diễn biến của thị trường để định hướng hoạt động của Công ty.

HĐQT đã tập trung chỉ đạo kiện toàn lại tổ chức bộ máy quản lý Công ty phù hợp với mô hình hoạt động mới và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, nhân sự các phòng ban của Công ty mẹ và các công ty con để hoạt động hiệu quả hơn. Ngoài việc kiện toàn lại bộ máy tổ chức tại các phòng ban, HĐQT cũng đã ổn định lại cơ cấu nhân sự chủ chốt trong Ban Điều hành để điều hành hoạt động của Công ty.

Tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu đối với tổ chức niêm yết. Tiếp xúc và cung cấp các thông tin về Công ty cho các cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty

### **3.6.3 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2016**

❖ Về tăng vốn điều lệ:

*Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015:*

Trong năm FIT đã phân phối 14.336.485 cổ phiếu cho 4579 cổ đông tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức tại ngày 16/6/2016 với tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu là 8% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 22/4/2016. Sau khi phân phối 14.336.485 cổ phiếu, HĐQT đã đưa vào lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu trên, nâng tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của FIT lên 193.548.962 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của công ty thành 1.935.489.620.000 đồng

**Tăng vốn thông qua việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi:**

Cuối tháng 10 năm 2016, Công ty đã chuyển đổi thành công 3.000.000 trái phiếu chuyển đổi thành 30.000.000 cổ phiếu FIT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/4/2014, nâng tổng vốn điều lệ của công ty lên 2.235.489.620.000 đồng.

**Tăng vốn thông qua việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông chiến lược:**

Tháng 11 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông bất thường của FIT đã thông qua việc tiếp tục triển khai phương án chào bán 31.181.285 cổ phiếu các nhà đầu tư chiến lược. Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện lựa chọn và phát hành cho các đối tác, thu về số tiền 358.584.777.500. Sau phát hành, vốn điều lệ của FIT đạt mức 2.547.302.470.000 đồng.

Về phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, HĐQT chưa triển khai trên thực tế do chưa đủ điều kiện thực hiện. Việc chào bán này sẽ tiếp tục được gia hạn cho đến khi hoàn thành.

❖ **Về việc sửa đổi Điều lệ công ty theo Luật Doanh nghiệp 2014:**

Trong năm 2016, HĐQT đã tiến hành sửa đổi Điều lệ Công ty theo Luật Doanh nghiệp 2014.

❖ **Về việc đổi tên Công ty:**

Trong năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc đổi tên công ty, trên thực tế, HĐQT đã hoàn thành việc đổi tên công ty thành Công ty CP Tập đoàn F.I.T.

❖ **Thành lập công ty bất động trực thuộc FIT:**

Trong năm 2016, FIT đã tiến hành thành lập công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T.

❖ **Tiếp tục đầu tư vào Công ty CP Dược phẩm Cửu Long:**

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện mua vào 36.402.616 cổ phiếu DCL, chiếm 64,62% vốn điều lệ DCL.

❖ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Kế hoạch năm 2016	Kết quả 2016 (kiểm toán)	% hoàn thành kế hoạch	Tăng trưởng
Doanh thu	Tỷ VNĐ	1.723	3.247	2.489	76,7%	144,46%
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	380,3	544	195,7	36,0%	51,46%
Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	245.2	438	112	25,6%	45,68%
Tỷ suất sau thuế/doanh thu	%	14%	13,4%	4,5%	33,6%	31,65%

Trong năm 2016, với chủ trương củng cố các mảng hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị FIT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc công ty mẹ và công ty thành viên nhằm thực hiện chiến lược đẩy mạnh toàn bộ các mảng kinh doanh, và đạt được các thành tựu đáng ghi nhận.

**Về mảng dược phẩm:** năm 2016 đánh dấu bước tăng trưởng mạnh mẽ của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long, với doanh thu và lợi nhuận tăng mạnh. Cụ thể, trong năm qua, Dược Cửu Long tăng 10% về doanh thu, đạt 737,8 tỷ đồng; tăng 49% về lợi nhuận sau thuế lên mức 90,1 tỷ đồng.

Cũng trong năm qua, mảng Dược đã đạt được những thành tựu lớn trong chuẩn bị cho mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 5 năm tới. Cụ thể, Công ty đã nghiên cứu mở rộng đầu tư cho nhà máy viên nang rỗng Capsule 3 quy mô 357 tỷ đồng, và trong tháng 3/2017 đã thực hiện khởi công dự án. Với việc đầu tư nhà máy capsule 3, Dược Cửu Long sẽ tăng gấp 3 lần quy mô sản xuất hiện tại, đảm bảo duy trì được vị thế số 1 tại thị trường Việt Nam hiện nay.

Về mảng dược: trong năm 2016, Dược Cửu Long cũng đã nghiên cứu đàm phán thành công, đến đầu năm 2017 đã hoàn tất thương vụ mua lại Công ty dược phẩm Euvipharm, có công suất sản xuất lên tới.... Hội đồng quản trị FIT cũng đã phối hợp sát với Dược Cửu Long để theo đuổi đề án thành lập, đầu tư công ty sản xuất thuốc ung thư Benovas.

**Về mảng thực phẩm:** Năm 2016, tình hình xuất khẩu Nông Sản của Việt Nam trong năm 2016 gặp rất nhiều khó khăn, mặc dù vậy, Westfood vẫn nỗ lực mở rộng thị trường, tìm kiếm khách mời mới nên doanh thu năm 2016 tăng trưởng 12% so với năm 2015. Tuy nhiên, một trong những thành tựu nổi bật của Westfood năm 2016 là thử nghiệm thành công giống dưa MD2 có năng suất và chất lượng vượt trội. Đây là tiền đề để công ty chủ động đầu tư, mở rộng vùng nguyên liệu để tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cũng trong năm 2016, Westfood đã củng cố và phát triển hệ thống phân phối, tạo điều kiện cho công tác bán hàng đạt hiệu quả cao. Nhờ vậy, bất chấp những khó khăn từ hoạt động sản xuất do yếu tố đầu vào không ổn định, doanh thu tăng 12% và giữ được vị thế cao tại các thị trường khó tính như Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản.

**Mảng đồ uống:** Năm 2016, chiến lược của FIT trong mảng này là chấp nhận hi sinh lợi nhuận để mở rộng thị phần. Với điểm mạnh là sở hữu nguồn nước khoáng thiên nhiên tốt nhất Việt Nam (có độ kiềm tự nhiên từ 8,5 – 9) và thương hiệu Vikoda, Đánh Thạnh đã được đặc biệt ưu chuộng tại Khu vực Miền Trung và Nam Trung Bộ. Trong năm 2016, Tập đoàn đã đẩy mạnh đầu tư đồng bộ từ hệ thống máy móc để nâng cao năng lực sản xuất tới marketing, R&D phát triển sản phẩm mới và hệ thống phân phối. Nhờ những nỗ lực đồng bộ đó, doanh số Vikoda tăng 57% so với năm 2015. Trong thời gian vừa qua, các nhãn hiệu chính như Vikoda, Đánh Thạnh và IMen (nhãn hiệu nước tăng lực mới, được tung ra thị trường từ tháng 7) đã được phân phối rộng rãi nhờ hệ thống khách hàng mà FIT Consumer phát triển

**Mảng hóa mỹ phẩm:** Năm 2016 đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh với việc tung ra thị trường hàng loạt sản phẩm mới như: Nước rửa chén sinh học Tero, Dr Kool. Việc đẩy mạnh chi phí marketing, R&D cũng khiến cho lợi nhuận năm 2016 của Sao Nam sụt giảm.

Hội đồng quản trị đánh giá, các khoản lỗ của mảng đồ uống và hóa mỹ phẩm là các khoản đầu tư cho tương lai, phù hợp với định hướng chiếm lĩnh thị phần mà FIT và các công ty thành viên đang theo đuổi.

**Đối với các mảng khác thuộc lĩnh vực nông nghiệp:** Do tác động của biến đổi khí hậu, nên giống như các doanh nghiệp khác trong ngành, Công ty cũng gặp nhiều khó khăn, hiệu quả kinh doanh sụt giảm.

### 3.6.2 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Với tham vọng trở thành doanh nghiệp tỷ đô trong các ngành hàng cơ bản, năm 2017 được coi là năm tiếp tục đẩy mạnh đầu tư của F.I.T tại các mảng kinh doanh, bên cạnh việc tiếp tục tận dụng các cơ hội đầu tư tài chính để phát huy thế mạnh của Công ty, góp phần tăng hiệu quả kinh doanh.

Theo đó:

**Ngành Nông nghiệp - Thực phẩm:** Mở rộng đầu tư vùng nguyên liệu nhằm tăng tính chủ động và cải thiện biên lợi nhuận kinh doanh. Hiện tại, Westfood đã nhận được các đơn hàng lớn, và nhiệm vụ quan trọng là Công ty phải tăng năng lực sản xuất, mở rộng đầu tư để đảm bảo đáp ứng yêu cầu khách hàng, duy trì hiệu quả kinh doanh ổn định, giảm thiểu các rủi ro tác động từ nguồn cung nguyên liệu bên ngoài.

**Với ngành Dược phẩm:** Theo sát các hoạt động đầu tư và tái cấu trúc công ty thành viên, để đảm bảo việc đầu tư dự án diễn ra đúng tiến độ, tiết kiệm và hiệu quả; sớm đưa Benovas hoạt động có lãi trở lại.

**Về lĩnh vực ngành hàng FMCG:** Tiếp nối chiến lược đã thực hiện từ năm 2016, năm 2017, Công ty sẽ đẩy mạnh đầu tư phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng doanh thu. Tham vọng của F.I.T là đưa F.I.T Consumer lên hàng ngũ những doanh nghiệp mạnh nhất trong ngành hàng FMCG, vốn cạnh tranh vô cùng khốc liệt. Đây là miếng bánh lớn, là trận đánh lớn, tuy nhiên chúng tôi hoàn toàn tự tin. Hiện tại, bên cạnh việc sở hữu thế mạnh đặc biệt của các doanh nghiệp mỗi nhóm ngành hóa mỹ phẩm, đồ uống; F.I.T còn sở hữu đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đã có kinh nghiệm làm việc tại các công ty đa quốc gia lớn, và nguồn lực tài chính hùng hậu... để sẵn sàng theo đuổi mục tiêu này.

**Về mảng bất động sản:** Trong năm qua, F.I.T đã tìm hiểu một số cơ hội M&A lĩnh vực này, tuy nhiên, do chưa đáp ứng được yêu cầu đầu tư nên trong năm 2017, F.I.T Land cũng sẽ tiếp tục triển khai nghiên cứu các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực này.

Với các kế hoạch trên, Ban giám đốc F.I.T đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2017 với các chỉ tiêu như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
Doanh thu thuần từ HĐKD	Tỷ VND	2.513
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	204
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ VND	159
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông công ty mẹ	Tỷ VND	112
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	8,1%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	6,3%
Cổ tức dự kiến	%	0%

Lý do không chia cổ tức: Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh nên không thực hiện chia cổ tức.

### **3.7 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Trong năm 2016, Ban Tổng giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh nhằm tạo ra sự tăng trưởng vững chắc cho Tập đoàn trong dài hạn. Điểm nhấn hoạt động của F.I.T là tập trung đầu tư các ngành hàng, làm tăng giá trị các công ty thành viên.

### Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

Năm 2016 đánh dấu sự phục hồi, phát triển của thị trường tài chính và cả tổng thể nền kinh tế. Căn cứ vào các nhận định như trên, Ban Giám đốc F.I.T đã có các định hướng đúng đắn, phù hợp và được triển khai ngay từ đầu năm. Dựa trên nguồn lực sẵn có và huy động từ bên ngoài, F.I.T đã tận dụng tốt lợi thế là doanh nghiệp hàng đầu về tư vấn và đầu tư trên thị trường tài chính, thu về được nhiều thành quả khích lệ.

Bên cạnh lĩnh vực tài chính thế mạnh, F.I.T quyết liệt đầu tư vào các ngành hàng cơ bản chủ lực là nông nghiệp-thực phẩm, dược phẩm và ngành hàng tiêu dùng nhanh.

Đối với mảng nông nghiệp - thực phẩm, trong năm 2016, Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP Nông dược TSP; tiếp tục phát triển vùng nguyên liệu và chế biến hoa quả, thực phẩm. Công ty đẩy mạnh đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại bậc nhất, kho bãi, hạ tầng vững mạnh và vùng nguyên liệu tại công ty WFC, đáp ứng những điều kiện khắt khe nhất về chất lượng tại các thị trường khó tính như Mỹ, EU, Nhật - Hàn. Các sản phẩm của Công ty ngày càng được tin dùng, tăng năng lực cạnh tranh các mảng kinh doanh.

Với mảng dược phẩm, năm 2016 là năm gặt hái nhiều thành công của Công ty sau quá trình tham gia tái cấu trúc Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long. Trong năm qua, Dược Cửu Long đã tăng 10% về doanh thu và 49% về lợi nhuận so với năm 2015.

Cuối năm 2016, thông qua Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long, F.I.T đã tham gia đàm phán và chính thức mua lại Công ty dược phẩm Euvipharm vào đầu tháng 1 năm 2017. Việc mua chi phối Euvipharm sẽ giúp Công ty tăng mạnh năng lực sản xuất và phát triển các dòng dược phẩm mới như thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt...do tận dụng được hệ thống trang thiết bị hiện đại của Euvipharm tại Long An mà không mất thời gian xây dựng nhà máy và chi phí thấp.

Với ngành hàng tiêu dùng, thông qua TSC, FIT đã xây dựng nền móng đầu tiên trên cơ sở hai ngành hàng đồ uống và chăm sóc cá nhân-gia đình, xuất phát từ hai công ty Nước Khoáng Khánh Hòa và Sao Nam, vốn là những đơn vị có bề dày kinh nghiệm, năng lực sản xuất cung ứng tốt, có những ưu thế cạnh tranh đặc biệt và sở hữu nhiều nhãn hiệu uy tín. Trong năm qua, F.I.T đã rất thành công với mục tiêu phát triển sản phẩm, kênh phân phối và chiếm lĩnh thị phần... của ngành hàng. Việc này làm gia tăng giá trị các công ty thành viên, dẫn đến làm tăng giá trị F.I.T, tuy nhiên, xét ở góc độ hạch toán lợi nhuận kỳ kế toán, thì dẫn tới các khoản lỗ ngắn hạn, từ đó làm giảm giá cổ phiếu trên thị trường.

Về kết quả kinh doanh năm 2016:

- Tổng doanh thu đạt 2.489 tỷ đồng,
- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 195,7 tỷ đồng đạt 51,46% so với kế hoạch,

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Kết quả 2016 (kiểm toán)	Tăng trưởng
Doanh thu	Tỷ VNĐ	1.723	2.489	144,46%
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	380,3	195,7	51,46%
Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	245,2	112	45,68%
Tỷ suất sau thuế/doanh thu	%	14%	4,5%	31,65%

## **3.8 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **3.8.1 HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

BKS tham dự toàn bộ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của công ty. BKS thực hiện giám sát công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, ban điều hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ của công ty. BKS giám

sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được các cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

BKS kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính tháng, quý, năm; giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước, quy trình quy chế và các quy định nội bộ của công ty; giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung 5 quy trình, quy chế của công ty; giám sát hoạt động công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo quy định.

BKS giám sát công tác quản lý sổ sách chứng từ liên quan đến cổ đông, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông; đồng thời giám sát việc cổ đông được tham gia đóng góp ý kiến, chất vấn, yêu cầu cung cấp thông tin theo đúng quy định

Việc phối hợp giữa BKS với HĐQT, BGD được thực hiện hiệu quả. BKS đã được HĐQT và BGD tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Các phòng ban trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của BKS.

Bên cạnh các hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát còn thực hiện các công việc sau:

- Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của công ty.
- Phân tích, đánh giá độc lập hoạt động kinh doanh của công ty; trên cơ sở đó đưa ra các ý kiến, khuyến nghị kịp thời, các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- Phối hợp, chỉ đạo bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại công ty.
- Hỗ trợ và cho ý kiến chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị nội bộ, hệ thống quy trình, quy chế của công ty.
- Tham gia giám sát, phản biện các dự án đầu tư của công ty.
- Đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện kế hoạch kinh doanh 2017 và các mục tiêu hoạt động khác của công ty.

### **3.8.2 KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT:**

Giám sát công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, cụ thể:

- Đối với công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh
  - + Ban Kiểm Soát đã được cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Điều Hành Công ty, trao đổi thường xuyên với HĐQT và Ban Điều Hành về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông 2016 thông qua.
  - + Trên cơ sở đó, Ban Kiểm Soát đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban Điều Hành đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp lý liên quan tới hoạt động SXKD cũng như phù hợp và tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
  - + Hội đồng quản trị đã chủ động trong việc giám sát và điều hành kịp thời chiến lược kinh doanh cũng như đưa ra các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty.
  - + Ban Điều Hành đã bám sát các quyết sách này để triển khai các công việc cụ thể. HĐQT và Ban Điều Hành cùng với sự nỗ lực của toàn thể các cán bộ nhân viên của Công ty đã vượt qua khó khăn.
  - + Ban Kiểm Soát không phát hiện có hiện tượng vi phạm pháp luật của HĐQT và Ban điều hành.
- Đối với công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính:

- + Công tác kế toán đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành.
- + Công tác kế toán kịp thời đã giúp HĐQT và Ban điều hành có những quyết định phù hợp kịp thời với hoạt động SXKD.
- + Ban Kiểm Soát không phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính, kế toán trong kỳ.

Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 2016

- BKS đã thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác của HĐQT và Ban Điều hành cho Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Kiểm Soát đánh giá các báo cáo đã đảm bảo tính tuân thủ cao đối với các quy định hiện hành về nội dung báo cáo và thời gian lập báo cáo.
- Ban Kiểm Soát thống nhất với số liệu trong báo cáo tài chính kiểm toán 2016.

Chi tiêu/ Benchmarks	Năm	Năm
	2016	2015
<b>1. Chi tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	4,23	3,19
+ Hệ số thanh toán nhanh	3,68	2,82
<b>2. Chi tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,13	0,31
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,15	0,44
<b>3. Chi tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho	5,81	1,55
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,56	0,39
<b>4. Chi tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,93%	17,91%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,82%	10,00%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,31%	6,95%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	8,07%	22,00%

Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều Hành

- Ban Kiểm Soát nhận thấy các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều Hành phù hợp với luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, cũng như đã bám sát các mục tiêu của Đại hội đồng Cổ đông 2016 đề ra.
- Ban Kiểm Soát không phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Điều Hành.
- Ban Kiểm Soát nhất trí với nội dung báo cáo KQKD năm 2016 của Ban Điều Hành.

Ý kiến Cổ đông

- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền dự đại hội, Ban Kiểm Soát không nhận được ý kiến đóng góp, khiếu nại nào của cổ đông về các sai



phạm của HĐQT, Ban Điều Hành, Ban Kiểm Soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

### 3.8.3 PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2017 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau trong năm tài chính 2017:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017.
- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất của Công ty và các công ty thành viên thông qua hoạt động của Kiểm toán nội bộ, Kiểm toán độc lập và các hoạt động trực tiếp của Ban kiểm soát.
- Thực hiện giám sát và kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty thành viên một cách thường xuyên theo chế độ kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.
- Kiểm soát tình hình góp vốn và tham gia gia quản lý góp vốn, hiệu quả vốn góp vào các công ty thành viên, các công ty liên kết của Công ty.
- Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh của công ty. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trình Đại hội cổ đông.
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ban điều hành nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Phối hợp với HĐQT, Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành công ty, đảm bảo sự tuân thủ của HĐQT và Ban điều hành đối với các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### 3.9 THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BTGD

STT	Chi tiêu	Số người	Thù lao phê duyệt (VND/người/tháng)	Tổng thù lao/ tháng
<b>A</b>	<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>			
1	Chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	5.000.000
2	Thành viên HĐQT	6	4.000.000	24.000.000
<b>B</b>	<b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>			
1	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.000.000	3.000.000
2	Thành viên BKS	2	1.500.000	3.000.000
<b>C</b>	<b>Tổng cộng</b>			<b>35.000.000</b>

#### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

ST T	Tổ chức/Cá nhân giao dịch	Chức vụ/Mối quan hệ	Loại giao dịch (Mua/bán)	Số lượng cổ phiếu giao dịch (cổ phiếu)	Ngày giao dịch	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ
1	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Tổng giám đốc Thành viên HĐQT	Mua	100.000	03/10/2016	100.000 cổ phiếu (0,04%)

#### **4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 39

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T**

Tầng 16, Tòa Center - Hapulico,

Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn F.I.T (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Sang

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Ông Phan Minh Sáng

Bà Bùi Thanh Hương

Ông Phạm Công Sinh

Chủ tịch

Phó chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Ông Bùi Xuân Trung

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Số: /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06/03/2017, từ trang 03 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

---

**Bùi Ngọc Bình**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2015-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

---

**Bùi Thị Phương**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2013-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.298.900.738.968</b>	<b>3.322.357.466.721</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>47.232.054.588</b>	<b>739.123.566.937</b>
1. Tiền	111		43.732.054.588	270.326.566.937
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	468.797.000.000
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>1.227.245.102.236</b>	<b>1.699.525.042.616</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		223.638.003.610	394.872.766.538
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(13.089.677.452)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.016.696.776.078	1.304.652.276.078
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>700.263.184.361</b>	<b>469.680.384.680</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	646.345.653.860	337.808.113.673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		74.803.832.487	54.977.779.413
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	58.584.937.500
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	44.257.064.854	80.360.482.828
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(65.617.702.921)	(62.071.149.399)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		474.336.081	20.220.665
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>299.409.105.580</b>	<b>384.239.284.815</b>
1. Hàng tồn kho	141		305.102.274.229	392.173.033.138
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.693.168.649)	(7.933.748.323)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.751.292.203</b>	<b>29.789.187.673</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	3.569.315.183	5.631.979.253
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.358.177.212	22.638.142.761
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.823.799.808	1.519.065.659
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.040.422.570.775</b>	<b>1.078.180.771.818</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.261.870.115</b>	<b>11.829.863.743</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	10.371.628.743
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	6.261.870.115	1.458.235.000
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>339.351.366.323</b>	<b>351.124.668.203</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	232.978.489.726	289.570.811.786
- Nguyên giá	222		602.956.689.187	647.407.547.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(369.978.199.461)	(357.836.735.777)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	106.372.876.597	61.553.856.417
- Nguyên giá	228		108.359.379.145	64.490.699.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.986.502.548)	(2.936.842.728)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>13.988.887.651</b>	<b>14.391.911.539</b>
- Nguyên giá	231		15.781.667.712	15.781.667.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.792.780.061)	(1.389.756.173)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>71.107.152.461</b>	<b>16.392.342.011</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài	241		3.418.123.704	3.306.981.265
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		67.689.028.757	13.085.360.746
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>1.420.971.815.673</b>	<b>450.846.960.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		787.805.635.673	402.544.780.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.302.180.000	3.302.180.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		629.864.000.000	45.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.524.340.854</b>	<b>41.921.261.159</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	17.374.212.797	38.463.549.738
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.150.128.057	3.457.711.421
<b>VII. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>169.217.137.698</b>	<b>191.673.765.163</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>4.339.323.309.743</b>	<b>4.400.538.238.539</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>576.364.909.277</b>	<b>1.343.363.688.956</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>543.281.500.921</b>	<b>1.041.317.996.020</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	103.293.248.207	291.695.198.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.668.528.249	2.625.366.251
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	45.978.550.165	51.962.509.190
4. Phải trả người lao động	314		36.785.562.136	29.188.852.184
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	24.440.509.581	22.518.798.494
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		202.593.478	193.950.045
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	20.911.752.017	18.921.768.760
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	291.867.279.413	617.064.141.446
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.133.477.675	7.147.411.604
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>33.083.408.356</b>	<b>302.045.692.936</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	9.446.929.821	4.481.355.796
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	23.636.478.535	4.497.299.405
3. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	293.067.037.735
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.762.958.400.466</b>	<b>3.057.174.549.583</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>3.762.958.400.466</b>	<b>3.057.174.549.583</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.235.489.620.000	1.792.124.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		2.235.489.620.000	1.792.124.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.284.722.214	14.805.156.176
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	8.490.566.038
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		80.481.887.391	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		886.852.413	886.852.413
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		179.329.530.562	261.562.252.028
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421		67.299.969.318	16.297.199.944
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		112.029.561.244	245.265.052.084
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.243.485.787.886	979.304.952.928
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>4.339.323.309.743</b>	<b>4.400.538.238.539</b>

Nguyễn Thị Minh Nguyệt  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Mai Hương  
 Kế toán trưởng

Phan Thị Hòa  
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>2.489.445.411.633</b>	<b>1.723.481.698.562</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		66.691.641.109	16.808.489.362
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>2.422.753.770.524</b>	<b>1.706.673.209.200</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	25	1.986.528.301.662	1.382.746.904.911
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>436.225.468.862</b>	<b>323.926.304.289</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	231.938.046.869	305.448.241.262
7. Chi phí tài chính	22	28	73.951.049.222	33.322.585.273
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		50.935.974.764	25.726.718.590
8. Chi phí bán hàng	25	29	255.834.291.738	129.429.228.851
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	142.783.440.459	91.091.251.867
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>195.594.734.312</b>	<b>375.531.479.560</b>
11. Thu nhập khác	31		2.048.879.162	6.020.990.818
12. Chi phí khác	32		1.909.801.245	1.236.221.252
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>139.077.917</b>	<b>4.784.769.566</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>195.733.812.229</b>	<b>380.316.249.126</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	50.742.089.318	74.632.140.171
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.307.583.364	(30.579.981)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>143.684.139.547</b>	<b>305.714.688.936</b>
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		112.029.561.244	245.265.052.084
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		31.654.578.303	60.449.636.852
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	591	1.693
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	-	1.648

Nguyễn Thị Minh Nguyệt  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Mai Hương  
 Kế toán trưởng

Phan Thị Hòa  
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>195.733.812.229</b>	<b>380.316.249.126</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT, phân bổ lợi thế thương mại	02	62.185.546.628	42.997.414.045
- Các khoản dự phòng	03	14.395.651.300	(8.718.528.203)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	403.924.469	1.143.316.614
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(148.855.818.065)	(169.607.625.160)
- Chi phí lãi vay	06	50.935.974.764	25.726.718.590
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>174.799.091.325</b>	<b>271.857.545.012</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(283.149.093.213)	(74.842.416.155)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	87.070.758.909	(164.011.307.392)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(158.043.728.342)	645.419.151.014
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	23.152.001.011	(7.948.204.768)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	171.234.762.928	(332.533.476.538)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(45.701.398.843)	(30.045.633.954)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(58.424.031.441)	(70.756.140.574)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.398.215.582)	(2.043.062.135)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(90.459.853.248)</b>	<b>235.096.454.510</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(80.106.871.050)	(62.698.512.306)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.522.636.363	572.057.928
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.790.416.000.000)	(5.474.717.521.687)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.552.092.437.500	4.352.398.334.187
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(385.260.855.673)	(664.196.471.922)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	160.386.690.600	12.900.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	127.550.552.365	96.154.382.227
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(414.231.409.895)</b>	<b>(1.739.587.731.573)</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	97.500.000.000	1.225.161.655.414
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.307.670.322.746	8.219.827.971.195
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.592.370.571.952)	(7.409.827.340.161)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(187.200.249.206)</i>	<i>2.035.162.286.448</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(691.891.512.349)	530.671.009.385
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	739.123.566.937	208.465.681.019
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(13.123.467)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	47.232.054.588	739.123.566.937

Nguyễn Thị Minh Nguyệt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Mai Hương  
Kế toán trưởng

Phan Thị Hòa  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁT QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103016102 ngày 08/03/2007 và Giấy chứng nhận kinh doanh được thay đổi lần 26 số 0102182140 ngày 20/12/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 26 ngày 20/12/2016, vốn điều lệ của Công ty là 2.235.489.620.000 đồng.

Tổng số nhân viên của công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31/12/2016 là 2.491 người (tại ngày 31/12/2015 là 1.679 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh: Dịch vụ cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Các dịch vụ: Bãi đỗ xe và các công trình công cộng; Tư vấn đầu tư, tư vấn mua bán doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ môi giới bất động sản; Xuất nhập khẩu hàng hóa nông nghiệp; Kinh doanh sản phẩm, vật tư nông nghiệp; Kinh doanh các mặt hàng thuốc; Và các ngành nghề kinh doanh khác.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

##### **Công ty con**

<b>Tên công ty</b>	<b>Trụ sở chính</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</b>	<b>Hoạt động chính</b>
		<b>%</b>	<b>%</b>	
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Tp. Hà Nội	100%	100%	Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Tp. Cần Thơ	56,69%	56,69%	Kinh doanh sản phẩm nông nghiệp
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Tỉnh Vĩnh Long	64,62%	64,62%	Kinh doanh dược phẩm, thiết bị y tế
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Tp. Hà Nội	99,00%	99,00%	Kinh doanh bất động sản

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Các bên liên quan**

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Sao Nam: Công ty liên kết;
- Công ty Cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa: Công ty liên kết;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm (tiền thân là Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T): Cùng thành viên Ban Lãnh đạo;
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T) đồng thời là Giám đốc của Công ty Cổ phần Dược phẩm Amigo.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

### **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

#### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí khoản đầu tư so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và không thực hiện phân bổ (tính từ năm 2015). Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Nợ phải trả tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành Nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Súc vật, cây lâu năm	5



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được phân ánh theo giá gốc tại ngày 31/12/2016.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 - 46 năm.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ chờ phân bổ. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

#### **Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả người bán hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền của các tổ chức, cá nhân.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.156.125.457	743.832.450
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.575.929.131	269.582.734.487
Các khoản tương đương tiền (i)	3.500.000.000	468.797.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>47.232.054.588</u></b>	<b><u>739.123.566.937</u></b>

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư và tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>223.638.003.610</b>	<b>210.548.326.158</b>	<b>13.089.677.452</b>	<b>394.872.766.538</b>	<b>394.872.766.538</b>	-
<i>a1) Tổng giá trị cổ phiếu</i>	<i>223.638.003.610</i>	<i>210.548.326.158</i>	<i>13.089.677.452</i>	<i>233.866.421.708</i>	<i>233.866.421.708</i>	-
- Cổ phiếu đã niêm yết	107.708.403.610	94.618.726.158	13.089.677.452	95.041.411.708	95.041.411.708	-
- Đầu tư chứng khoán chưa niêm yết (i)	115.929.600.000	115.929.600.000	-	138.825.010.000	138.825.010.000	-
<i>a2) Tổng giá trị trái phiếu</i>	-	-	-	<i>161.006.344.830</i>	<i>161.006.344.830</i>	-
- Trái phiếu TD1429095 - Chính phủ	-	-	-	161.006.344.830	161.006.344.830	-

*Ghi chú: (i) Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: Do không thu thập được giá giao dịch trên thị trường tại ngày 31/12/2016 nên Công ty không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá (nếu có). Do đó, Công ty đang trình bày theo giá gốc các khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết này trên báo cáo tài chính.*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>1.646.560.776.078</b>	<b>1.646.560.776.078</b>	<b>1.349.652.276.078</b>	<b>1.349.652.276.078</b>
<i>b1) Ngắn hạn</i>	<i>1.016.696.776.078</i>	<i>1.016.696.776.078</i>	<i>1.304.652.276.078</i>	<i>1.304.652.276.078</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn	698.500.000.000	698.500.000.000	789.150.000.000	789.150.000.000
- Các khoản đầu tư khác (i)	318.196.776.078	318.196.776.078	515.502.276.078	515.502.276.078
+ Khoản đầu tư vào tổ chức	117.056.632.350	117.056.632.350	314.362.132.350	314.362.132.350
+ Khoản đầu tư vào cá nhân	201.140.143.728	201.140.143.728	201.140.143.728	201.140.143.728
<i>b2) Dài hạn</i>	<i>629.864.000.000</i>	<i>629.864.000.000</i>	<i>45.000.000.000</i>	<i>45.000.000.000</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
- Trái phiếu (ii)	512.000.000.000	512.000.000.000	-	-
- Đầu tư dài hạn khác vào cá nhân (iii)	107.864.000.000	107.864.000.000	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Ghi chú:

- (i) Đầu tư ngắn hạn khác là khoản đầu tư dưới hình thức Công ty thực hiện góp vốn trong hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân và tổ chức, thời hạn hợp tác đầu tư quy định trong hợp đồng là dưới 12 tháng và Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi nhuận nhất định tính trên tỷ lệ % (phần trăm) của số vốn thực góp của Công ty mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Bên nhận góp vốn. Trong đó các hợp đồng với các cá nhân với tổng giá trị tại ngày 31/12/2016 là 200.925.000.000 đồng có tài sản đảm bảo bằng cổ phiếu.
- (ii) Khoản đầu tư mua trái phiếu với kỳ hạn là 5 năm, lãi suất là 5%/năm nếu đến thời điểm đáo hạn Công ty không chuyển đổi sang cổ phiếu.
- (iii) Đầu tư dài hạn khác vào cá nhân là khoản đầu tư dưới hình thức Công ty thực hiện góp vốn trong hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân và Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi nhuận nhất định tính trên tỷ lệ % (phần trăm) của số vốn thực góp của Công ty mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Bên nhận góp vốn.

*Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

	Năm nay			Năm trước		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>c) Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>791.107.815.673</b>	-	<b>791.107.815.673</b>	<b>405.846.960.000</b>	-	<b>405.846.960.000</b>
<i>c1) Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết</i>	<i>787.805.635.673</i>	-	<i>787.805.635.673</i>	<i>402.544.780.000</i>	-	<i>402.544.780.000</i>
Công ty CP TM SX & DV Sao Nam	423.224.780.000	-	423.224.780.000	402.544.780.000	-	402.544.780.000
Công ty CP Nước Khoáng Khánh Hòa	364.580.855.673	-	364.580.855.673	-	-	-
<i>c2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>3.302.180.000</i>	-	<i>3.302.180.000</i>	<i>3.302.180.000</i>	-	<i>3.302.180.000</i>
Đối tượng khác	3.302.180.000	-	3.302.180.000	3.302.180.000	-	3.302.180.000

*Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty liên kết tại ngày 31/12/2016 như sau:*

	Năm nay		Năm trước	
	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
<b>Công ty liên doanh liên kết</b>				
Công ty CP Thương mại sản xuất và dịch vụ Sao Nam	49,08%	33,07%	46,68%	46,68%
Công ty CP Nước khoáng Khánh Hòa	49,00%	33,02%	0%	0%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>646.345.653.860</b>	<b>337.808.113.673</b>
Khách hàng của Công ty CP Đầu tư F.I.T - Công ty Mẹ	3.640.066.458	1.007.436.958
Khách hàng của Công ty Cổ phần VTKT Nông nghiệp Cần Thơ (Hợp nhất)	407.703.642.521	147.934.512.695
Khách hàng của Công ty CP Dược phẩm Cửu Long (Hợp nhất)	231.266.236.289	188.849.214.877
Khách hàng của Công ty CP XNK và TM F.I.T Việt Nam	165.561.760	16.949.143
<b>Phải thu của khách hàng là bên liên quan</b>	<b>3.570.146.832</b>	<b>-</b>
Công ty CP Dược phẩm Amigo Việt Nam	3.570.146.832	-
<b>Dự phòng cho phải thu khách hàng khó đòi</b>	<b>(52.865.810.774)</b>	<b>(51.460.602.658)</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>44.257.064.854</b>	<b>(8.419.877.890)</b>	<b>80.360.482.828</b>	<b>(6.314.804.209)</b>
Lãi dự thu	26.460.208.435	(1.238.315.518)	22.180.543.914	(875.235.616)
Ký quỹ, ký cược	62.090.320	-	6.688.750.677	-
Tạm ứng	5.185.152.015	(710.286.516)	5.635.676.734	-
Phải thu chi phí bán hàng, marketing	4.391.060.504	(3.924.082.450)	7.799.292.643	(5.439.568.593)
Phải thu CP thành lập nhà máy Westfood Hậu Giang	-	-	30.130.000.000	-
Ứng tiền làm thủ tục xây dựng Nhà máy sản Bình Định	3.500.000.000	(1.750.000.000)	3.500.000.000	-
Phải thu khác	4.658.553.580	(797.193.406)	4.426.218.860	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>6.261.870.115</b>	<b>-</b>	<b>1.458.235.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	6.261.870.115	-	1.458.235.000	-
<b>Cộng</b>	<b>50.518.934.969</b>	<b>(8.419.877.890)</b>	<b>81.818.717.828</b>	<b>(6.314.804.209)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**9. NỢ QUÁ HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>1/Phải thu khách hàng</b>	<b>68.944.579.316</b>	<b>16.078.768.542</b>	<b>86.385.612.532</b>	<b>34.925.009.874</b>
Khách hàng của Công ty CP Tập đoàn F.I.T - Công ty Mẹ	99.436.958	-	99.436.958	-
Khách hàng của Công ty Cổ phần VTKT Nông nghiệp Cần Thơ (Hợp nhất)	13.019.183.604	4.178.636.145	32.250.293.663	14.576.360.520
Khách hàng của Công ty CP Dược phẩm Cửu Long (Hợp nhất)	55.825.958.754	11.900.132.397	54.035.881.911	20.348.649.354
<b>2/Phải thu khác</b>	<b>10.434.250.458</b>	<b>2.014.372.568</b>	<b>10.455.994.763</b>	<b>4.141.190.554</b>
Khách hàng của Công ty CP tập đoàn F.I.T - Công ty Mẹ	1.490.756.847	252.441.266	1.490.756.847	615.521.231
Khách hàng của Công ty Cổ phần VTKT Nông nghiệp Cần Thơ (Hợp nhất)	3.500.000.000	1.750.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Khách hàng của Công ty CP Dược phẩm Cửu Long (Hợp nhất)	5.443.493.611	11.931.302	5.465.237.916	25.669.323
<b>3/Trả trước cho người bán</b>	<b>4.332.014.257</b>	<b>-</b>	<b>4.332.014.257</b>	<b>36.271.725</b>
Khách hàng của Công ty CP tập đoàn F.I.T - Công ty Mẹ	3.784.694.120	-	3.784.694.120	-
Khách hàng của Công ty CP Dược phẩm Cửu Long (Hợp nhất)	547.320.137	-	547.320.137	36.271.725
<b>Cộng</b>	<b>83.710.844.031</b>	<b>18.093.141.110</b>	<b>101.173.621.552</b>	<b>39.102.472.153</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	53.186.750.957	-	10.523.831.370	-
Nguyên liệu, vật liệu	97.783.173.359	(2.071.198.426)	121.380.234.503	(888.418.782)
Công cụ, dụng cụ	6.524.389.538	-	5.815.949.731	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.793.445.193	-	14.358.709.069	-
Thành phẩm	95.422.719.602	(1.626.332.196)	140.570.783.328	(6.728.237.721)
Hàng hóa	28.004.116.531	(1.995.638.027)	83.148.027.439	(317.091.820)
Hàng gửi bán	8.387.679.049	-	16.375.497.698	-
<b>Cộng</b>	<b>305.102.274.229</b>	<b>(5.693.168.649)</b>	<b>392.173.033.138</b>	<b>(7.933.748.323)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>TSCĐ hữu hình khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>202.074.930.342</b>	<b>400.258.014.027</b>	<b>42.269.646.485</b>	<b>2.609.021.608</b>	<b>195.935.101</b>	<b>647.407.547.563</b>
- Mua trong năm	5.598.710.364	23.991.573.636	1.451.097.273	1.549.619.306	-	32.591.000.579
- Đầu tư XDCB hoàn thành	10.159.499.954	439.952.684	-	-	-	10.599.452.638
- Tăng khác	-	-	-	160.024.000	-	160.024.000
- Giảm do thoái vốn khỏi TSP	(56.485.251.387)	(23.571.700.288)	(5.461.245.091)	(133.454.545)	-	(85.651.651.311)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(745.700.000)	(1.205.172.100)	(38.788.182)	-	(1.989.660.282)
- Giảm khác	-	(160.024.000)	-	-	-	(160.024.000)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>161.347.889.273</b>	<b>400.212.116.059</b>	<b>37.054.326.567</b>	<b>4.146.422.187</b>	<b>195.935.101</b>	<b>602.956.689.187</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>71.075.267.727</b>	<b>271.232.016.055</b>	<b>13.671.599.171</b>	<b>1.714.037.688</b>	<b>143.815.136</b>	<b>357.836.735.777</b>
- Khấu hao trong năm	10.937.945.544	22.001.635.700	4.359.786.212	475.389.696	19.705.090	37.794.462.242
- Tăng khác	27.324.000	-	-	-	-	27.324.000
- Giảm do thoái vốn khỏi TSP	(11.067.922.341)	(11.048.969.079)	(1.821.828.278)	(214.318.081)	-	(24.153.037.779)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(652.642.859)	(808.529.738)	(38.788.182)	-	(1.499.960.779)
- Giảm khác	-	(27.324.000)	-	-	-	(27.324.000)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>70.972.614.930</b>	<b>281.504.715.817</b>	<b>15.401.027.367</b>	<b>1.936.321.121</b>	<b>163.520.226</b>	<b>369.978.199.461</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>130.999.662.615</b>	<b>129.025.997.972</b>	<b>28.598.047.314</b>	<b>894.983.920</b>	<b>52.119.965</b>	<b>289.570.811.786</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>90.375.274.343</b>	<b>118.707.400.242</b>	<b>21.653.299.200</b>	<b>2.210.101.066</b>	<b>32.414.875</b>	<b>232.978.489.726</b>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 138.559.217.491 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 110.908.809.801 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2016 với giá trị là 17.999.120.055 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 195.947.275.576 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Bộ thương hiệu thuốc BVTV	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày đầu năm	43.378.718.810	136.363.635	20.200.000.000	775.616.700	-	64.490.699.145
- Mua trong năm	-	-	-	80.000.000	988.680.000	1.068.680.000
- Tặng khác (i)	63.000.000.000	-	-	-	-	63.000.000.000
- Giảm do thoái vốn khỏi TSP	-	-	(20.200.000.000)	-	-	(20.200.000.000)
Tại ngày cuối năm	106.378.718.810	136.363.635	-	855.616.700	988.680.000	108.359.379.145
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày đầu năm	-	136.363.635	2.524.999.996	275.479.097	-	2.936.842.728
- Khấu hao trong năm	1.437.067.908	-	2.019.999.996	129.352.909	8.238.999	3.594.659.812
- Giảm do thoái vốn khỏi TSP	-	-	(4.544.999.992)	-	-	(4.544.999.992)
Tại ngày cuối năm	1.437.067.908	136.363.635	-	404.832.006	8.238.999	1.986.502.548
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	43.378.718.810	-	17.675.000.004	500.137.603	-	61.553.856.417
Tại ngày cuối năm	104.941.650.902	-	-	450.784.694	980.441.001	106.372.876.597

Ghi chú: (i) Tài sản cố định tăng khác trong năm là giá trị quyền sử dụng đất tại Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đó, số tiền này được theo dõi trên chỉ tiêu chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn hạch toán tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013. Đây là lô đất tại Khu công nghiệp Sông Hậu, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang gồm 64.570 m<sup>2</sup> đất có thời hạn sử dụng đến ngày 13/08/2059 và 5.433,4 m<sup>2</sup> đất có thời hạn sử dụng đến ngày 20/12/2061.

Quyền sử dụng đất tại ngày 01/01/2016 của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ phần lớn là đất nông nghiệp với thời hạn sử dụng là 25 năm. Theo quy định của pháp luật hiện hành về đất nông nghiệp, Công ty có quyền tiếp tục gia hạn thời hạn thuê đất nông nghiệp khi hết hạn. Ban Tổng Giám đốc dự định Công ty sẽ tiếp tục gia hạn thuê đất trong tương lai, do đó Công ty không trích khấu hao cho các tài sản này.

Công ty đã sử dụng số tài sản cố định vô hình - quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2016 với giá trị còn lại là 13.194.675.585 đồng (tại ngày 01/01/2016 với giá trị là 13.194.675.585 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

**BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày đầu năm	15.781.667.712	15.781.667.712
Tại ngày cuối năm	15.781.667.712	15.781.667.712
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày đầu năm	1.389.756.173	1.389.756.173
- Khấu hao trong năm	403.023.888	403.023.888
Tại ngày cuối năm	1.792.780.061	1.792.780.061
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	14.391.911.539	14.391.911.539
Tại ngày cuối năm	13.988.887.651	13.988.887.651

**14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Năm nay		Năm trước	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Chi phí sản xuất dở dang</i>				
Chi phí đầu tư vùng nguyên liệu dự án tại Hậu Giang	3.418.123.704	-	3.306.981.265	-
<i>Chi phí xây dựng, mua sắm tài sản cố định</i>				
- Chi phí mua Văn phòng Lê Văn Lương	40.584.251.404	-	-	-
- Mua sắm tài sản cố định	10.375.665.000	-	-	-
- Mua đất chưa hoàn thành thủ tục sang tên	9.490.344.520	-	9.490.344.520	-
- Đầu tư xây dựng nhà máy tại Hậu Giang	4.888.387.833	-	-	-
- Các công trình khác	2.350.380.000	-	3.595.016.226	-
<b>Cộng</b>	<b>71.107.152.461</b>	<b>-</b>	<b>16.392.342.011</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.569.315.183</b>	<b>5.631.979.253</b>
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	39.000.000	3.016.211.622
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.112.345.536	1.679.719.198
Các khoản khác	1.417.969.647	936.048.433
<b>b) Dài hạn</b>	<b>17.374.212.797</b>	<b>38.463.549.738</b>
Trả trước tiền thuê đất (tại Công ty Cổ phần Nông dược TSC) (i)	-	26.840.906.754
Chi phí sửa chữa	14.296.567.745	6.107.584.733
Các khoản khác	3.077.645.052	5.515.058.251

Ghi chú: (i) Tiền thuê đất là khoản tiền mà Công ty Cổ phần Nông dược TSC trả trước để thuê đất tại Khu công nghiệp Đức Hòa 1, tỉnh Long An để xây nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh, thời gian thuê từ năm 2009 tới năm 2058 với số tiền thuê gốc là 33.713.467.170 đồng đã bao gồm thuế GTGT. Tại ngày 31/12/2016, Công ty đã thoái vốn hoàn toàn khỏi Công ty Cổ phần Nông dược TSC. Vì vậy, khoản tiền thuê đất này đã được loại bỏ ra khỏi tài sản của Công ty.

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>103.293.248.207</b>	<b>103.293.248.207</b>	<b>291.695.198.046</b>	<b>291.695.198.046</b>
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</b>	<b>49.571.381.417</b>	<b>49.571.381.417</b>	-	-
Khách hàng của Công ty Cổ phần VTKT Nông nghiệp Cần Thơ (Hợp nhất)	49.571.381.417	49.571.381.417	-	-
+ Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	20.335.645.732	20.335.645.732	-	-
+ Công ty CP TM Sản xuất và Dịch vụ Sao Nam	29.235.735.685	29.235.735.685	-	-
<b>b) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác</b>	<b>53.721.866.790</b>	<b>53.721.866.790</b>	<b>291.695.198.046</b>	<b>291.695.198.046</b>
Khách hàng của Công ty CP tập đoàn F.I.T - Công ty Mẹ	712.759.117	712.759.117	161.593.618.766	161.593.618.766
Khách hàng của Công ty Cổ phần VTKT Nông nghiệp Cần Thơ (Hợp nhất)	13.825.737.178	13.825.737.178	98.859.333.152	98.859.333.152
Ông Chu Thanh Quân - Khách hàng TSC (Hợp nhất)	14.999.600.000	14.999.600.000	-	-
Khách hàng của Công ty CP Dược phẩm Cửu Long (Hợp nhất)	24.175.970.495	24.175.970.495	31.226.695.262	31.226.695.262
Khách hàng của Công ty Cổ phần XNK và TM F.I.T Việt Nam	-	-	15.550.866	15.550.866
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	7.800.000	7.800.000	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>	<b>45.978.550.165</b>	<b>159.001.901.046</b>	<b>164.985.860.071</b>	<b>51.962.509.190</b>
- Thuế GTGT	1.124.942.176	99.530.764.165	99.735.303.943	1.329.481.954
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	95.008.971	95.008.971	-
- Thuế TNDN	43.860.291.413	50.702.687.867	57.084.994.946	50.242.598.492
- Thuế thu nhập cá nhân	905.381.067	6.340.145.909	5.825.193.586	390.428.744
- Tiền thuê đất, tiền nhà đất	-	1.989.448.342	1.989.448.342	-
- Các loại thuế, phí khác	87.935.509	343.845.792	255.910.283	-
<b>Cộng</b>	<b>45.978.550.165</b>	<b>159.001.901.046</b>	<b>164.985.860.071</b>	<b>51.962.509.190</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước chi phí lãi tiền vay	219.274.988	223.021.048
Trích trước chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi	-	1.650.000.000
Chi phí tư vấn	557.000.000	-
Trích trước chi phí chiết khấu, hoa hồng bán hàng, thuê cửa hàng	13.987.173.126	16.967.969.059
Chi phí vận chuyển	2.690.824.000	-
Chi phí khác	6.986.237.467	3.677.808.387
<b>Cộng</b>	<b>24.440.509.581</b>	<b>22.518.798.494</b>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>20.911.752.017</b>	<b>18.921.768.760</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	-
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.529.531.840	866.660.583
- Phải trả khoản nhận hợp tác kinh doanh	2.030.000.000	15.553.124.999
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.832.005.400	-
- Phải trả khác	2.347.474.921	2.501.983.178
<b>b) Dài hạn</b>	<b>9.446.929.821</b>	<b>4.481.355.796</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.109.391.715	135.132.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.337.538.106	4.346.223.796
<b>Cộng</b>	<b>30.358.681.838</b>	<b>23.403.124.556</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn (i)</b>	<b>291.867.279.413</b>	<b>291.867.279.413</b>	<b>7.268.869.405.884</b>	<b>7.594.066.267.917</b>	<b>617.064.141.446</b>	<b>617.064.141.446</b>
<b>-Vay ngân hàng</b>	<b>284.819.879.413</b>	<b>284.819.879.413</b>	<b>7.260.356.917.016</b>	<b>7.590.808.979.347</b>	<b>615.271.941.744</b>	<b>615.271.941.744</b>
+ Ngân hàng VP Bank	-	-	1.254.000.000.000	1.484.000.000.000	230.000.000.000	230.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	118.316.572.252	118.316.572.252	4.592.706.942.826	4.627.592.213.530	153.201.842.956	153.201.842.956
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	53.321.978	53.321.978	60.114.127.112	60.060.805.134	-	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Hà Nội	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Long	19.472.795.837	19.472.795.837	163.073.667.203	255.136.245.883	111.535.374.517	111.535.374.517
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Long	32.291.691.513	32.291.691.513	157.537.394.666	137.853.105.966	12.607.402.813	12.607.402.813
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	41.446.043.766	41.446.043.766	152.663.329.266	131.694.563.975	20.477.278.475	20.477.278.475
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cần Thơ	22.931.621.512	22.931.621.512	37.531.621.512	14.600.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV CN Thái Hà	-	-	10.585.886.731	21.934.492.902	11.348.606.171	11.348.606.171
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV HBT	9.016.263	9.016.263	413.149.697.441	413.332.668.209	191.987.031	191.987.031
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính	-	-	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Cần Thơ	22.079.746.800	22.079.746.800	224.408.093.177	228.296.634.377	25.968.288.000	25.968.288.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	43.933.431.237	81.012.603.498	37.079.172.261	37.079.172.261
+ Ngân hàng BIDV - CN HCM	28.219.069.492	28.219.069.492	60.652.725.845	32.433.656.353	-	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	-	-	12.861.989.520	12.861.989.520	12.861.989.520

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- <i>Vay tổ chức khác</i>	<b>7.047.400.000</b>	<b>7.047.400.000</b>	<b>8.512.488.868</b>	<b>3.257.288.570</b>	<b>1.792.199.702</b>	<b>1.792.199.702</b>
- Đối tượng khác	-	-	-	-	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	7.047.400.000	7.047.400.000	8.512.488.868	3.257.288.570	1.792.199.702	1.792.199.702
+ Nợ dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng VPBank Trung Hoà Nhân Chính	608.600.000	608.600.000	608.600.000	608.600.000	608.600.000	608.600.000
+ Nợ dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Cần Thơ	6.438.800.000	6.438.800.000	6.438.800.000	-	-	-
+ Nợ dài hạn đến hạn trả đối tượng khác (DCL không thuyết minh chi tiết)	-	-	1.465.088.868	2.648.688.570	1.183.599.702	1.183.599.702
<b>b) Vay trung và dài hạn (ii)</b>	<b>23.636.478.535</b>	<b>23.636.478.535</b>	<b>34.717.330.199</b>	<b>15.578.151.069</b>	<b>4.497.299.405</b>	<b>4.497.299.405</b>
- Vay trung hạn TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Long	-	-	708.500.464	1.076.667.259	368.166.795	368.166.795
- Vay trung hạn Ngân hàng Shinhan	-	-	3.160.051.200	5.159.083.810	1.999.032.610	1.999.032.610
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Cần Thơ	22.114.978.535	22.114.978.535	30.848.778.535	8.733.800.000	-	-
- Ngân hàng VPBank Trung Hoà Nhân Chính	1.521.500.000	1.521.500.000	-	608.600.000	2.130.100.000	2.130.100.000

**Ghi chú:**

- (i) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng với thời hạn dưới 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty trong Tập đoàn. Lãi suất vay dao động từ 5%/năm đến 7%/năm, hoặc áp dụng lãi suất vay theo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ đối với các hợp đồng vay theo hạn mức tín dụng. Giá trị tài sản dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số 11 và 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.
- (ii) Các khoản vay trung và dài hạn ngân hàng với thời hạn 05 năm, mục đích vay vốn dùng để mua sắm tài sản cố định là phương tiện vận tải, gốc vay sẽ được trả mỗi 03 tháng trong vòng 60 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 6,7%/năm đến 10,7%/năm cho năm đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/ 01 lần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.047.400.000	608.600.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	23.636.478.535	2.130.100.000
	<b>30.683.878.535</b>	<b>2.738.700.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	7.047.400.000	608.600.000
Số phải trả sau 12 tháng	<b>23.636.478.535</b>	<b>2.130.100.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm trước	499.999.940.000	15.260.716.800	-	4.255.447.645	141.083.940.252	-	129.009.392.442	789.609.437.139
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	245.265.052.084	-	60.449.636.852	305.714.688.936
Tăng vốn trong năm	1.217.126.650.000	-	8.490.566.038	-	-	-	-	1.225.617.216.038
Phát hành cổ phiếu chia cổ tức	74.998.180.000	-	-	-	(74.998.180.000)	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng/(Giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	-	(3.368.595.232)	(49.788.560.308)	-	789.845.923.634	736.688.768.094
Tăng/giảm khác	-	(455.560.624)	-	-	-	-	-	(455.520.624)
<b>Số dư tại ngày đầu năm nay</b>	<b>1.792.124.770.000</b>	<b>14.805.156.176</b>	<b>8.490.566.038</b>	<b>886.852.413</b>	<b>261.562.252.028</b>	<b>-</b>	<b>979.304.952.928</b>	<b>3.057.174.549.583</b>
Trái phiếu chuyển đổi (Giá trị quyền chọn cổ phiếu) (i)	300.000.000.000	-	-	-	-	-	-	300.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	112.029.561.244	-	31.654.578.303	143.684.139.547
Phát hành cổ phiếu chia cổ tức (ii)	143.364.850.000	-	-	-	(143.364.850.000)	-	-	-
DCL chia cổ phiếu thưởng	-	-	-	-	-	80.481.887.391	-	80.481.887.391
Tăng do hợp nhất TSC	-	-	-	-	-	-	234.656.472.205	234.656.472.205
Tăng/(Giảm) do mua thêm/chuyển nhượng một phần lợi ích trong Công ty con	-	-	-	-	(43.112.312.706)	-	-	(43.112.312.706)
Chuyển nhượng một phần lợi ích trong Công ty con TSC	-	-	-	-	-	-	33.437.456.653	33.437.456.653
Tăng/ (giảm khác) (iii)	-	8.479.566.038	(8.490.566.038)	-	(6.176.438.707)	-	-	(6.187.438.707)
Mua thêm một phần lợi ích trong Công ty con DCL	-	-	-	-	-	-	(35.567.672.203)	(35.567.672.203)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.608.681.297)	-	-	(1.608.681.297)
<b>Số dư tại ngày cuối năm nay</b>	<b>2.235.489.620.000</b>	<b>23.284.722.214</b>	<b>-</b>	<b>886.852.413</b>	<b>179.329.530.562</b>	<b>80.481.887.391</b>	<b>1.243.485.787.886</b>	<b>3.762.958.400.466</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2014/NQ-HĐQT/F.I.T ngày 26/04/2014 thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2015; Nghị quyết số 21/2015/NQ- HĐQT/F.I.T ngày 07/07/2015 của Hội đồng Quản trị về việc phát hành trái phiếu chuyển đổi. Theo Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu số 86/2016/CV-F.I.T ngày 27/10/2016 của Tổng Giám đốc Công ty gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu như sau:
- Tên trái phiếu đã chuyển đổi: Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T.
  - Tổng số lượng trái phiếu đã chuyển đổi: 3.000.000 trái phiếu.
  - Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi: 300.000.000.000 đồng.
  - Tỷ lệ chuyển đổi: 01:10 (01 trái phiếu chuyển đổi thành 10 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng).
  - Ngày chuyển đổi: 27/10/2016.
  - Tên cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T.
  - Mã cổ phiếu: F.I.T.
  - Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
  - Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
  - Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi: 30.000.000 cổ phiếu.
  - Tổng giá trị cổ phiếu đã được chuyển đổi: 300.000.000.000 đồng.
  - Tổng trái phiếu được chuyển đổi chiếm 100% tổng số trái phiếu chuyển đổi đã phát hành (3.000.000 trái phiếu).
- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ/F.I.T ngày 22/04/2016, Công ty đã thực hiện trả cổ tức năm bằng cổ phiếu tỷ lệ 8% là 14.336.485 cổ phiếu, tương đương 143.364.850.000 đồng.
- (iii) Tăng giảm khác do các nguyên nhân sau:
- Tăng/Giảm vốn trong năm do đáo hạn trái phiếu, kết chuyển giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi vào thặng dư vốn cổ phần;
  - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ ban điều hành theo Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐQT/F.I.T ngày 20/06/2016 với số tiền là: 2.452.650.521 đồng.
  - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ ban điều hành theo Nghị quyết số 12.1/2016/NQ-HĐQT/F.I.T ngày 19/04/2016 với số tiền là: 2.920.631.132 đồng.
  - Giảm theo quyết định sau thanh tra thuế số 34141/QĐ-CT-TTr3- Truy thu thuế GTGT, thuế TNDN, điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ và điều chỉnh khác với tổng số tiền là 803.157.054 đồng.

Đến ngày 31/12/2016, tình hình tăng giảm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần và quyền chọn trái phiếu chuyển đổi của Công ty như sau:

	<u>Tại ngày đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Tại ngày cuối năm</u>
Vốn điều lệ	1.792.124.770.000	443.364.850.000	-	2.235.489.620.000
Thặng dư vốn cổ phần	14.805.156.176	8.490.566.038	11.000.000	23.284.722.214
Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	8.490.566.038	-	8.490.566.038	-
	<b>1.815.420.492.214</b>	<b>451.855.416.038</b>	<b>8.501.566.038</b>	<b>2.258.774.342.214</b>

**b) Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 26 ngày 20/12/2016, vốn điều lệ của Công ty là 2.235.489.620.000 đồng (tại ngày ngày 31/12/2015 là 1.792.124.770.000 đồng). Tại ngày 31/12/2016, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>2.235.489.620.000</b>	<b>1.792.124.770.000</b>
- Vốn góp đầu năm	1.792.124.770.000	499.999.940.000
- Vốn góp tăng trong năm	443.364.850.000	1.292.124.830.000
- Vốn góp cuối năm	2.235.489.620.000	1.792.124.770.000

*d) Cổ phiếu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	223.548.962	179.212.477
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	223.548.962	179.212.477
- Cổ phiếu phổ thông	223.548.962	179.212.477
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	223.548.962	179.212.477
- Cổ phiếu phổ thông	223.548.962	179.212.477
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngoại tệ các loại</b>		
Ngoại tệ USD	392.343,13	317.099,58
Ngoại tệ EUR	429,48	451,32
<b>b) Nợ khó đòi đã xử lý</b>		
Khách hàng khu vực miền Bắc của Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	1.940.872.484	1.940.872.484
Khách hàng khu vực TP Hồ Chí Minh của Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	22.811.329.192	22.811.329.192

**23. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động tại Hà Nội (miền Bắc), Cần Thơ, Long An, Vĩnh Long (miền Nam). Hoạt động tư vấn, đầu tư và xuất nhập khẩu nông sản được đặt tại miền Bắc. Hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp, thuốc, kinh doanh thiết bị y tế được đặt tại miền Nam.

Các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

Tại ngày cuối năm	Miền Bắc Số cuối năm VND	Miền Nam Số cuối năm VND	Loại trừ Số cuối năm VND	Tổng cộng Số cuối năm VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	2.703.917.201.041	3.168.591.423.082	(1.533.185.314.380)	4.339.323.309.743
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>				<b>4.339.323.309.743</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	149.603.688.770	426.961.220.507	(200.000.000)	576.364.909.277
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>				<b>576.364.909.277</b>
<b>Năm nay</b>	<b>Miền Bắc</b> VND	<b>Miền Nam</b> VND	<b>Loại trừ</b> VND	<b>Tổng cộng</b> VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	7.938.021.611	2.414.815.748.913	-	2.422.753.770.524
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	12.341.752.420	313.534.685	(12.655.287.105)	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>20.279.774.031</b>	<b>2.415.129.283.598</b>	<b>(12.655.287.105)</b>	<b>2.422.753.770.524</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Giá vốn	9.950.563.093	1.981.002.125.319	(4.424.386.750)	1.986.528.301.662
Lãi gộp	10.329.210.938	434.127.158.279	(8.230.900.355)	436.225.468.862
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	31.563.108.642	356.219.071.757	10.835.551.798	398.617.732.197
Lãi (lỗ) khác	(1.164.503.318)	1.344.091.235	(40.510.000)	139.077.917
Doanh thu tài chính	236.202.355.257	58.045.744.487	(62.310.052.875)	231.938.046.869
Chi phí tài chính	80.933.045.098	19.466.926.719	(26.448.922.595)	73.951.049.222
Doanh thu hoạt động tài chính	155.269.310.159	38.578.817.768	(35.861.130.280)	157.986.997.647
Lợi nhuận trước thuế	132.870.909.137	117.830.995.525	(54.968.092.433)	195.733.812.229
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.417.002.134	24.325.087.184	-	50.742.089.318
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	1.307.583.364	-	1.307.583.364
<b>Lợi nhuận trong năm</b>	<b>106.453.907.003</b>	<b>92.198.324.977</b>		<b>143.684.139.547</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

Tại ngày đầu năm	<u>Miền Bắc</u> <u>Số đầu năm</u> VND	<u>Miền Nam</u> <u>Số đầu năm</u> VND	<u>Loại trừ</u> <u>Số đầu năm</u> VND	<u>Tổng cộng</u> <u>Số đầu năm</u> VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	3.896.317.974.923	4.020.105.540.238	(3.515.885.276.622)	4.400.538.238.539
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>				<b>4.400.538.238.539</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	1.792.696.353.043	535.246.823.424	(984.579.487.511)	1.343.363.688.956
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>				<b>1.343.363.688.956</b>
<b>Năm trước</b>	<u>Miền Bắc</u> VND	<u>Miền Nam</u> VND	<u>Loại trừ</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	67.917.866.926	1.638.755.342.274	-	1.706.673.209.200
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	343.750.375	2.839.188.136	(3.182.938.511)	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>68.261.617.301</b>	<b>1.641.594.530.410</b>	<b>(3.182.938.511)</b>	<b>1.706.673.209.200</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Giá vốn	46.926.070.502	1.340.002.044.344	(4.181.209.935)	1.382.746.904.911
<b>Lãi gộp</b>	<b>21.335.546.799</b>	<b>301.592.486.066</b>	<b>998.271.424</b>	<b>323.926.304.289</b>
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	25.734.030.501	181.762.668.863	13.023.781.354	220.520.480.718
Lãi (lỗ) khác	645.223.838	4.139.545.728	-	4.784.769.566
Doanh thu tài chính	237.513.607.962	83.923.939.569	(15.989.306.269)	305.448.241.262
Chi phí tài chính	38.259.626.098	23.464.950.013	(28.401.990.838)	33.322.585.273
Lợi nhuận trước thuế	195.500.722.000	184.428.352.487	387.174.639	380.316.249.126
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	43.264.410.862	31.367.729.309	-	74.632.140.171
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(30.579.981)	-	(30.579.981)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>305.714.688.936</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: Bộ phận tư vấn và đầu tư, Bộ phận sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu sản phẩm nông sản, vật tư kỹ thuật nông nghiệp, Bộ phận sản xuất và kinh doanh thuốc, kinh doanh thiết bị y tế. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 03 bộ phận kinh doanh này.

Dưới đây là phân tích doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lĩnh vực tư vấn, đầu tư	20.593.308.716	14.995.975.716
Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp	1.677.009.765.848	1.224.902.534.441
Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc và thiết bị y tế	737.805.983.065	467.118.449.418
Loại trừ doanh thu nội bộ	(12.655.287.105)	(343.750.375)
	<u><b>2.422.753.770.524</b></u>	<u><b>1.706.673.209.200</b></u>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo lĩnh vực kinh doanh của các tài sản đó.

	<u>Giá trị còn lại của tài sản bộ phận</u>		<u>Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Lĩnh vực tư vấn, đầu tư	16.503.994.010	17.608.117.006	44.400.000	164.000.000
Lĩnh vực sản xuất, thương mại các sản phẩm nông nghiệp, vật tư kỹ thuật nông nghiệp	157.876.028.312	162.510.673.981	93.755.912.758	26.702.712.691
Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc và thiết bị y tế	178.960.231.652	185.397.788.755	13.618.844.459	12.292.616.161
	<u><b>353.340.253.974</b></u>	<u><b>365.516.579.742</b></u>	<u><b>107.419.157.217</b></u>	<u><b>39.159.328.852</b></u>

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng	2.465.088.209.531	1.718.649.772.690
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.929.572.512	4.206.041.177
- Doanh thu kinh doanh BĐS, cho thuê đầu tư	3.208.248.792	-
- Doanh thu khác	2.219.380.798	625.884.695
	<u><b>2.489.445.411.633</b></u>	<u><b>1.723.481.698.562</b></u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>66.691.641.109</b>	<b>16.808.489.362</b>
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	42.256.376.235	5.576.264.542
- Giảm giá hàng bán	421.916.989	277.140.086
- Hàng bán bị trả lại	24.013.347.885	10.955.084.734
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u><b>2.422.753.770.524</b></u>	<u><b>1.706.673.209.200</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn hàng bán của hàng hóa, thành phẩm	1.966.565.891.695	1.381.570.796.297
- Giá vốn dịch vụ	15.438.430.544	1.174.002.250
- Giá vốn kinh doanh BĐS, cho thuê đầu tư	1.982.242.216	-
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(700.598.025)	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.044.425.773	-
- Giá vốn khác	2.197.909.459	2.106.364
	<b><u>1.986.528.301.662</u></b>	<b><u>1.382.746.904.911</u></b>

**26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	829.797.321.206	566.942.759.991
Chi phí nhân công	268.885.256.624	119.335.084.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.792.145.942	28.376.619.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.898.891.339	76.907.444.021
Chi phí khác bằng tiền	67.375.243.980	63.358.268.619
<b>Cộng</b>	<b><u>1.385.748.859.091</u></b>	<b><u>854.920.175.859</u></b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	68.028.477.769	35.771.126.903
Lãi bán các khoản đầu tư	88.888.389.672	-
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư tài chính	-	197.736.113.269
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.605.649.812	51.913.500
Doanh thu từ hoạt động hợp tác đầu tư	53.611.302.098	59.868.028.904
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.203.309.673	-
Lãi do thoái vốn khỏi TSP	11.469.996.978	-
Doanh thu tài chính khác	130.920.867	12.021.058.686
<b>Cộng</b>	<b><u>231.938.046.869</u></b>	<b><u>305.448.241.262</u></b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	50.935.974.764	25.726.718.590
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.318.190.668	170.814.206
Chênh lệch tỷ giá thanh toán và phí in sao kê	1.123.487.227	-
Chi phí tài chính cho hợp đồng hợp tác đầu tư	2.894.301.598	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	13.089.677.452	-
Chi phí tài chính khác	2.589.417.513	7.425.052.477
<b>Cộng</b>	<b><u>73.951.049.222</u></b>	<b><u>33.322.585.273</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	106.839.358.028	29.597.695.053
Chi phí đồ dùng văn phòng	491.509.472	-
Chi phí khấu hao	2.662.638.721	-
Chi quảng cáo, sự kiện, dịch vụ mua ngoài	109.614.501.594	87.144.907.413
Chi phí bằng tiền khác	36.226.283.923	12.686.626.385
<b>Cộng</b>	<b>255.834.291.738</b>	<b>129.429.228.851</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	60.518.189.050	31.408.523.664
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.099.123.081	1.229.709.013
Chi phí khấu hao	5.528.788.389	4.530.517.820
Thuế, phí và lệ phí	5.161.612.811	2.677.576.720
Chi phí dự phòng	17.405.490.394	19.949.203.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.252.804.754	7.198.171.056
Lợi thế thương mại	20.393.400.686	13.220.687.406
Chi phí bằng tiền khác	10.424.031.294	10.876.862.498
<b>Cộng</b>	<b>142.783.440.459</b>	<b>91.091.251.867</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	50.742.089.318	74.632.140.171

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	112.029.561.244	239.891.770.431
Lợi nhuận trong năm	112.029.561.244	245.265.052.084
Lợi nhuận dùng trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(5.373.281.653)
Lãi vay cho trái phiếu chuyển đổi	-	3.206.603.774
Thuế TNDN	-	705.452.831
<b>Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>-</b>	<b>242.392.921.374</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	189.494.561	141.699.963
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng - <i>Trái phiếu có thể chuyển đổi</i>	-	5.424.658
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu suy giảm	-	147.124.621
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	591	1.693
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	1.648
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

Ghi chú: (i) Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa tính đến ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch dùng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31/12/2016, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các khoản vay	315.503.757.948	621.561.440.851
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	47.232.054.588	739.123.566.937
Nợ thuần	268.271.703.360	-
Vốn chủ sở hữu	3.762.958.400.466	3.057.174.549.583
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,07</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, Nợ phải trả tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.232.054.588	739.123.566.937
Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác	631.246.885.908	426.512.248.345
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.227.245.102.236	1.699.525.042.616
Đầu tư tài chính dài hạn	1.420.971.815.673	450.846.960.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.326.695.858.405</b>	<b>3.316.007.817.898</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	315.503.757.948	621.561.440.851
Phải trả người bán và phải trả khác	133.651.930.045	315.098.322.602
Chi phí phải trả	24.440.509.581	22.518.798.494
<b>Tổng cộng</b>	<b>473.596.197.574</b>	<b>959.178.561.947</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, xác định điểm giới hạn chịu lỗ. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của Nợ phải trả tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.232.054.588	-	47.232.054.588
Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác	624.985.015.793	6.261.870.115	631.246.885.908
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.227.245.102.236	-	1.227.245.102.236
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.420.971.815.673	1.420.971.815.673
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.899.462.172.617</b>	<b>1.427.233.685.788</b>	<b>3.326.695.858.405</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>			
Các khoản vay	291.867.279.413	23.636.478.535	315.503.757.948
Phải trả người bán và phải trả khác	124.205.000.224	9.446.929.821	133.651.930.045
Chi phí phải trả	24.440.509.581	-	24.440.509.581
<b>Tổng cộng</b>	<b>440.512.789.218</b>	<b>33.083.408.356</b>	<b>473.596.197.574</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.458.949.383.399</b>	<b>1.394.150.277.432</b>	<b>2.853.099.660.831</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	739.123.566.937	-	739.123.566.937
Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác	426.512.248.345	-	426.512.248.345
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.699.525.042.616	-	1.699.525.042.616
Đầu tư tài chính dài hạn	-	450.846.960.000	450.846.960.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.865.160.857.898</b>	<b>450.846.960.000</b>	<b>3.316.007.817.898</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Các khoản vay	617.064.141.446	4.497.299.405	621.561.440.851
Phải trả người bán và phải trả khác	310.616.966.806	4.481.355.796	315.098.322.602
Chi phí phải trả	22.518.798.494	-	22.518.798.494
<b>Tổng cộng</b>	<b>950.199.906.746</b>	<b>8.978.655.201</b>	<b>959.178.561.947</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.914.960.951.152</b>	<b>441.868.304.799</b>	<b>2.356.829.255.951</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**33. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Công ty CP TM Sản xuất và Dịch vụ Sao Nam</b>	<b>Công ty liên kết</b>		
Chuyển tiền cho hoạt động đầu tư		5.000.000.000	7.000.000.000
Mua hàng		76.801.772.613	-
Lãi từ hoạt động đầu tư		3.379.496.426	2.376.309.687
Cán trừ công nợ bằng cách trả thay lương cho người lao động		1.465.214.936	-
Thu hồi các khoản đầu tư		-	6.500.000.000
Doanh thu tư vấn, cho thuê văn phòng, doanh thu khác		1.770.816.364	-
<b>Công ty CP Dược phẩm Amigo Việt Nam</b>	<b>Cùng thành viên Ban lãnh đạo</b>		
Bán hàng		32.265.395.872	-
<b>Công ty Cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa</b>	<b>Công ty liên kết</b>		
Mua hàng		188.513.248.440	-
F.I.T chuyển tiền HTĐT cho Vikoda		2.500.000.000	-
Lãi từ HTĐT		26.194.445	-
Doanh thu tư vấn, cho thuê văn phòng, doanh thu khác		4.281.497.269	-
Nhận ký quỹ, ký cược		4.952.845.115	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm</b>	<b>Cùng thành viên Ban lãnh đạo</b>		
Nhận tiền từ hoạt động tài chính		-	396.921.240.000
Cho thuê văn phòng		434.443.635	434.443.635
Chuyển tiền cho hoạt động đầu tư		-	157.482.500.000
Chi phí cho hoạt động tài chính		4.900.000.000	1.100.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư		-	335.206.028
Thu hồi các khoản đầu tư		-	228.880.500.000
Chi phí lãi trái phiếu		6.000.000.000	-

*Sổ dư với các Bên liên quan:*

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Công ty CP TM Sản xuất và Dịch vụ Sao Nam</b>	<b>Công ty liên kết</b>		
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư		32.551.632.350	22.551.632.350
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác đầu tư		105.535.327	31.563.106
Phải thu khách hàng		175.040.500	-
<b>Công ty Cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa</b>	<b>Công ty liên kết</b>		
		-	-
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác đầu tư		26.194.445	-
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư		2.500.000.000	-
Phải thu khách hàng		3.140.589.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược		4.952.845.115	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm</b>	<b>Cùng thành viên Ban lãnh đạo</b>		
Phải trả cho hoạt động tài chính		-	194.339.622.642
Phải trả chi phí cho hoạt động tài chính		-	1.100.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**33. CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập trong năm	1.682.400.000	875.039.592

**34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu trong năm không bao gồm phần vốn góp tăng do phát hành cổ phiếu trong năm để trả cổ tức là 143.364.850.000 đồng.

<b>Nội dung</b>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các giao dịch phi tiền tệ khác	143.364.850.000	74.998.180.000

**35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Trong giai đoạn từ ngày 31/12/2016 đến ngày 09/01/2017, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 31.181.285 cổ phiếu, tương đương giá trị là 311.812.850.000 đồng, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty tăng lên là 2.547.302.470.000 đồng theo như Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 27 ngày 13/02/2017. Ngoài sự kiện tăng vốn điều lệ này, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đầu năm đã được trình bày lại cho phù hợp khi so sánh với số liệu kỳ này, cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước		Chênh lệch	Ghi chú
		Đã kiểm toán	Trình bày lại		
		VND	VND	VND	
<b><u>Điều chỉnh chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh</u></b>					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.731	1.693	(38)	(i)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	1648	1.648	

**Ghi chú:** (i) Trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu do điều chỉnh khoản quỹ khen thưởng phúc lợi chia từ lợi nhuận sau thuế năm 2015.

Nguyễn Thị Minh Nguyệt  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Trần Thị Mai Hương  
 Kế toán trưởng

Phan Thị Hòa  
 Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T**  
Tầng 16, Tòa Center - Hapulico,  
Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung,  
Q. Thanh Xuân, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Xác nhận của Đại diện theo Pháp luật của Công ty



**Nguyễn Thị Minh Nguyệt**

